

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2013

**THÔNG TƯ**

**Ban hành mẫu biên bản, mẫu quyết định xử phạt vi phạm hành chính  
trong lĩnh vực hàng không dân dụng**

*Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 147/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ An toàn giao thông và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư ban hành mẫu biên bản, mẫu quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này ban hành mẫu biên bản và mẫu quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng; người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm, quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng và cá nhân, tổ chức có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

**Điều 3. Mẫu biên bản và quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng**

1. Ban hành kèm theo Thông tư này Phụ lục mẫu biên bản, mẫu quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

2. Ngoài các mẫu biên bản, mẫu quyết định quy định tại khoản 1 Điều này, người có thẩm quyền có quyền áp dụng các mẫu biên bản, mẫu quyết định khác ban hành kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

#### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

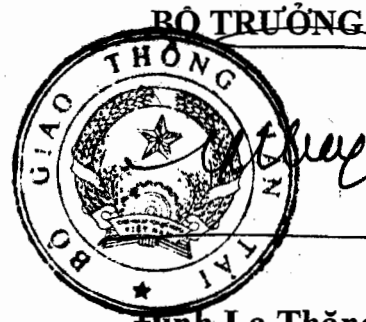
Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 12 năm 2013.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Trang thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo GT; Tạp Chí GTVT;
- Lưu: VT, ATGT (3).



## PHỤ LỤC

### Mẫu Biên bản, mẫu Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52.../2013/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12  
năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Mã số	Mẫu biểu
<b>I. MẪU QUYẾT ĐỊNH</b>	
MQĐ 01	Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng theo thủ tục xử phạt không lập biên bản
MQĐ 02	Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ 03	Quyết định hoãn thi hành quyết định phạt tiền trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ 04	Quyết định giảm/miễn tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ 05	Quyết định về việc nộp tiền phạt nhiều lần trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ 06	Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ 07	Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng khi không xác định được chủ sở hữu, người quản lý, người sử dụng hợp pháp
MQĐ 08	Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ 09	Quyết định tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính
MQĐ 10	Quyết định tịch thu tang vật vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính
MQĐ 11	Quyết định thi hành một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng trong trường hợp người bị xử phạt chết/mất tích; tổ chức bị giải thể/phá sản
MQĐ 12	Quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ 13	Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ 14	Quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ 15	Quyết định khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng

MQĐ 16	Quyết định chuyển hồ sơ vụ vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự
MQĐ 17	Quyết định giao quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
<b>II. MẪU BIÊN BẢN</b>	
MBB 01	Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MBB 02	Biên bản Phiên giải trình trực tiếp về vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MBB 03	Biên bản về việc cá nhân/tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng không nhận Quyết định xử phạt vi phạm hành chính
MBB 04	Biên bản cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MBB 05	Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MBB 06	Biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MBB 07	Biên bản tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MBB 08	Biên bản khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MBB 09	Biên bản bàn giao người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence – Freedom- Happiness

Số: /QĐ-XPVPHC  
No.: /QĐ-XPVPHC

...<sup>2</sup>, ngày ... tháng ... năm ...  
....., date ... month ... year

**QUYẾT ĐỊNH**

**Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng  
theo thủ tục không lập biên bản**

**DECISION**

**On sanctioning of administrative violations in the field of civil aviations  
with out Minutes**

Căn cứ Điều 56 Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;  
*Pursuant to Article 56 of the Law on Handling of Administrative Violations dated  
June 20<sup>th</sup> 2012;*

Căn cứ Điều ... Nghị định số 147/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2013 của  
Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

*Pursuant to Article ... of the Decree No. 147/2013/ND-CP dated October 30<sup>th</sup> 2013 by  
the Government on Sanctioning of Administrative Violations in the field of Civil Aviation;*

Căn cứ Quyết định số ...../..... ngày ... tháng ... năm .... về việc giao quyền xử phạt  
vi phạm hành chính (nếu có);

*In accordance with the Decision No. .... dated... on Delegation of Right to handle  
administrative violations (if any);*

Xét hành vi vi phạm hành chính do ông (bà)/ tổ chức vi phạm:.....

*In consideration of administrative violations done by Mr.  
(Mrs)/Organization:.....*

Tôi: ..... Chức vụ: ..... Đơn vị: .....

*I am: ..... Position: ..... Organization:.....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**HEREBY DECIDE:**

**Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục không lập biên bản đối với:**  
*Article 1. To sanction the administrative violation, without Minutes, committed  
by:*

Ông (Bà)/Tổ chức:...

*Mr (Mrs/Ms)/ Organization:*

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan (tiếng Việt, tiếng Anh) theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính /*Organization's name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19<sup>th</sup>, 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>2</sup> Ghi địa danh theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính; trừ trường hợp lập biên bản trên tàu bay/*Location name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19<sup>th</sup> 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents; unless otherwise make minutes on aircraft.*

Ngày, tháng, năm sinh:...

*Date of birth*

Quốc tịch:...

*Nationality*

Nghề nghiệp/Lĩnh vực hoạt động:...

*Occupation/Business field:*

Địa chỉ/*Address*: ...

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:...

*ID card/Passport/Decision on Establishment or Business Registration No:*

Cấp ngày:...

*Date of issue*

Nơi cấp:...

*Place of issue*

Đã có hành vi vi phạm hành chính<sup>3</sup> ....

*Has committed the following administrative violation.....*

Quy định tại điểm... khoản... Điều... Nghị định số .../.../ND-CP ngày .../.../... của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực .....<sup>4</sup> .....

*As provided for in sub-paragraph ..., paragraph ..., Article ... of the Decree No. .../ND-CP ... by the Government on Sanctioning of Administrative Violations in the field of .....*

- Địa điểm xảy ra vi phạm: ...

*Location where the violation occurred:...*

- Các tình tiết tăng nặng/ giảm nhẹ (nếu có): ...

*The extenuating/aggravating circumstances (if any):*

**Điều 2.** Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

*Article 2. To be subjected to the following sanctioning forms and remedial measures:*

- Hình thức xử phạt chính:<sup>5</sup> ... Cụ thể:<sup>6</sup> ...

*The principal sanctioning form is: ...*

*Fine level...*

- Hình thức phạt bổ sung (nếu có):<sup>7</sup> ...

*The additional sanctioning form is (if any)...*

- Các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có): ...

*Remedial measure (if any)...*

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

*Article 3: This Decision shall take effect from the date of signature.*

**Điều 4.** Quyết định này được:

*Article 4: This Decision shall be:*

1. Giao/Gửi cho ông (bà)/tổ chức ..... để chấp hành Quyết định xử phạt.

*1. Handed over /sent to Mr/Mrs/Organization ... for implementation*

Trong trường hợp bị xử phạt tiền, ông (bà)/tổ chức nộp tiền phạt tại chỗ cho người có thẩm quyền xử phạt; trường hợp không nộp tiền phạt tại chỗ thì nộp tại Kho bạc nhà nước/Ngân hàng thương mại ... hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc nhà nước/Ngân hàng thương mại: ... trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được giao Quyết định này.

<sup>3</sup> Ghi tóm tắt hành vi vi phạm/*Summarize the act of violation .*

<sup>4</sup> Ghi lĩnh vực theo Nghị định áp dụng/*Activities of Decree is applied.*

<sup>5</sup> Ghi rõ hình thức xử phạt chính được áp dụng/*Specify the principal sanctioning form which is applied*

<sup>6</sup> Ghi chi tiết theo hình thức xử phạt chính đã áp dụng (ghi rõ mức tiền phạt bằng số và bằng chữ)/*Detail the fine level according to the principal sanctioning form which is applied.*

<sup>7</sup> Ghi chi tiết hình thức xử phạt bổ sung/*Detail the additional sanctioning form which is applied.*

*If Mr/Mrs/Organization ... is being fined, he (she)/organization pays the fine directly to the person who has the right to handle the administrative violations. If not, such fine shall be paid at the State Treasure/Commercial Banks ...or shall be delivered to the State Treasure/Commercial Bank's account No: ... within ten (10) days from the date on which the violator has received the sanctioning decision*

Thời hạn thi hành hình thức xử phạt bổ sung là ... ngày; thời hạn thi hành các biện pháp khắc phục hậu quả là ... ngày, kể từ ngày được giao Quyết định này.

*Time limits for application of the additional sanctioning form shall be ...; time limits for application of remedial measures shall be...from the date on which the violator has received the sanctioning decision.*

Nếu quá thời hạn trên mà không chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành.

*Beyond such specified period and if Mr/Mrs/Organization intentionally has not executed this Decision, shall be subjected to the execution enforcement.*

Ông (bà)/tổ chức bị tạm giữ ... để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt.

*A temporary seizure of... shall apply to Mr/Mrs/Organization in order to ensure the execution of the Decision.*

Ông (Bà)/Tổ chức... bị xử phạt có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

*Mr/Mrs/Organization ... reserves the right to appeal, claim against this Decision in accordance with the stipulations of law.*

2. Gửi cho<sup>8</sup>... để thu tiền phạt.

*Sent to ... for the fine collection.*

3. Gửi cho<sup>9</sup>...để tổ chức thực hiện Quyết định này.

*Sent to... for the implementation.*

4. Gửi cho<sup>10</sup> ...để biết.

*Sent to... for information.*

**Nơi nhận (Copied to):**

- Như Điều 4 (As mentioned in Article 4);
- Lưu Hồ sơ (Filing).

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH**

**(Person issuing the Decision)**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, title and stamp)

<sup>8</sup> Kho bạc nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại/State Treasure/Commercial Banks.

<sup>9</sup> Ghi họ tên, chức vụ, đơn vị người thi hành Quyết định; cơ quan, tổ chức có liên quan / Name, Position, Organization of the person who implement the Decision ; Organization related.

<sup>10</sup> Cha mẹ hoặc người giám hộ (ghi rõ họ tên, địa chỉ...) của người chưa thành niên trong trường hợp người chưa thành niên bị xử phạt cảnh cáo/Parents or tutor (full name, address...) of minors committing an administrative violation.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
 SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
 Independence – Freedom- Happiness

Số: /QĐ-XPVPHC  
 No: /QĐ-XPVPHC

...<sup>2</sup>, ngày ... tháng ... năm ...  
 ....., date ... month ... year

**QUYẾT ĐỊNH**

**Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng<sup>3</sup>**  
**DECISION**

**On Sanctioning of administrative violations in the field of civil aviation**

Căn cứ Điều 57 và Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;  
*Pursuant to Article 57 and Article 68 of the Law on Handling of Administrative Violations dated June 20<sup>th</sup> 2012;*

Căn cứ Điều ... Nghị định số 147/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng;  
*Pursuant to Article ... of the Decree No 147/2013/ND-CP dated October 30<sup>th</sup> 2013 by the Government on Sanctioning of Administrative Violations in the field of Civil Aviation;*

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số .../BB-..... do ..... lập hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm .... tại.....;

*Based on the Minutes on Administrative Violation in the field of Civil Aviation made by Mr (Name, Position) at.....on...;*

Căn cứ kết quả xác minh và các tài liệu có trong hồ sơ;

*Based on the verification results and related dossiers;*

Căn cứ Biên bản phiên giải trình số ...../.....ngày...tháng...năm... tại...;

*Based on the Minutes on testimony No ... dated...;*

Căn cứ Quyết định giao quyền số ...../.....ngày ... tháng ... năm ... (nếu có);

*In accordance with the Decision No:...../..... on Delegation of Right to handle administrative violation ... dated...(if any);*

Xét hành vi vi phạm hành chính do ông (bà)/ tổ chức vi phạm:.....;

*In consideration of administrative violations done by Mr. (Mrs)/Organization:...*

.....;

Tôi: .....Chức vụ: ..... Đơn vị: .....

*I am: ..... Position:..... Organization:.....*

**QUYẾT ĐỊNH:**  
**HEREBY DECIDE**

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính/*Organization's name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19<sup>th</sup> 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>2</sup> Ghi địa danh theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính/*Location name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19<sup>th</sup>, 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>3</sup> Mẫu này được sử dụng trong trường hợp xử phạt một hoặc nhiều cá nhân/tổ chức thực hiện một hoặc nhiều hành vi vi phạm hành chính/*This form is to be used in sanction of one or many individual/organization committing one or many act of violation.*



**Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với:**

*Article 1. To sanction the administrative violation committed by:*

Ông (Bà)/Tổ chức:...

*Mr (Mrs/Ms)/ Organization:*

Ngày, tháng, năm sinh: ...

Quốc tịch:...

*Date of birth: .....*

*Nationality: .....*

Nghề nghiệp/Lĩnh vực hoạt động:...

*Occupation/Business field: .....*

Địa chỉ/Address:...

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:...

*ID card/Passport/Decision on Establishment or Business Registration No:*

Cấp ngày: ...

Nơi cấp: ...

*Date of issue: .....*

*Place of issue: .....*

**1. Đã có hành vi vi phạm hành chính<sup>4</sup>**

*Has committed the following administrative violation*

.....

Quy định tại điểm...Khoản...Điều...Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực.....;

*As provided for in Sub-paragraph ..., Paragraph ..., Article ... of the Decree No .../.../ND-CP dated ... by the Government on Sanctioning of Administrative Violations in the field of .....*;

- Các tình tiết tăng nặng/ giảm nhẹ (nếu có): ...

*The extenuating/aggravating circumstances (if any):*

\*Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

*To be subjected to the following sanctioning forms and remedial measures:*

- Hình thức xử phạt chính:<sup>5</sup> ..... Cụ thể:<sup>6</sup> .....

*The principal sanctioning form is:...*

*Fine level...*

- Hình thức xử phạt bổ sung (nếu có):<sup>7</sup> ...

*The additional sanctioning form is (if any)*

- Các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có): ...

*Remedial measure (if any)*

Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả<sup>8</sup>..., kể từ ngày nhận được Quyết định này.

*Time limits for application of the remedial measures shall be... from the date of the receipt of this Decision.*

Cá nhân/tổ chức vi phạm phải hoàn trả kinh phí cho việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có) là: ..., vì chi phí khắc phục hậu quả đã được cơ quan có thẩm quyền chi trả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

*The violator shall be required to reimburse all expenses for the application of remedial measures (if any) with an amount of... as such expenses have been paid by the*

<sup>4</sup> Ghi tóm tắt hành vi vi phạm/Summarize the act of violation.

<sup>5</sup> Ghi rõ hình thức xử phạt chính được áp dụng / Specify the principal sanctioning form which is applied.

<sup>6</sup> Ghi chi tiết theo hình thức xử phạt chính đã áp dụng (ghi rõ mức tiền phạt bằng số và bằng chữ)/ Detail the fine level according to the principal sanctioning form which is applied.

<sup>7</sup> Ghi chi tiết hình thức xử phạt bổ sung / Detail the additional sanctioning form which is applied.

<sup>8</sup> Ghi rõ thời hạn thi hành của từng biện pháp khắc phục hậu quả / Detail time limits of each remedial measure.

competent authority in accordance with Paragraph 5, Article 85 of the Law on Handling of Administrative Violations.

2. Đã có hành vi vi phạm hành chính<sup>9</sup> ....

*Has committed the following administrative violation: .....*

Quy định tại điểm...khoản...Điều...Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực .....

*As provided for in Sub-paragraph ..., Paragraph ..., Article ... of the Decree No .../.../ND-CP dated ... by the Government on Sanctioning of Administrative Violations in the field of.....;*

- Các tình tiết tăng nặng/ giảm nhẹ (nếu có): ...

*The extenuating/aggravating circumstances (if any):*

\* Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

*To be subjected to the following sanctioning forms and remedial measures:*

- Hình thức xử phạt chính:<sup>10</sup> ..... Cụ thể:<sup>11</sup> .....

*The principal sanctioning form is: ... Fine level...*

- Hình thức xử phạt bổ sung (nếu có):<sup>12</sup> ...

*The additional sanctioning form is (if any)*

- Các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có): ...

*Remedial measure (if any)*

Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả<sup>13</sup> ..., kể từ ngày nhận được Quyết định này.

*Time limits for the application of remedial measures shall be...day(s) from the date of receipt of this Decision.*

Cá nhân/tổ chức vi phạm phải hoàn trả kinh phí cho việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có) là: ..., vì chi phí khắc phục hậu quả đã được cơ quan có thẩm quyền chi trả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

*The violator shall be required to reimburse all expenses for the application of remedial measures (if any) with an amount of..., as such expenses have been paid by the competent authority in accordance with Paragraph 5, Article 85 of the Law on Handling of Administrative Violations*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm ..

*Article 2: This Decision shall take effect from ...*

**Điều 3.** Quyết định này được:

*Article 3: This Decision shall be:*

1. Giao/Gửi cho Ông (Bà)/tổ chức ..... để chấp hành Quyết định xử phạt.

*1. Handed over/sent to Mr/Mrs/Organization ... for execution of the Decision*

Ông (bà)/Tổ chức phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu không chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành

*Mr/Mrs/Organization shall be responsible for strictly executing this Decision. If Mr/Mrs/Organization intentionally has not executed this Decision, Mr/Mrs/Organization shall be subjected to the execution enforcement.*

<sup>9</sup> Ghi tóm tắt hành vi vi phạm / Summarize the act of violation.

<sup>10</sup> Ghi rõ hình thức xử phạt chính được áp dụng / Specify the principal sanctioning form which is applied

<sup>11</sup> Ghi chi tiết theo hình thức xử phạt chính đã áp dụng (ghi rõ mức tiền phạt bằng số và bằng chữ) / Detail the fine level according to the principal sanctioning form which is applied.

<sup>12</sup> Ghi chi tiết hình thức xử phạt bổ sung / Detail the additional sanctioning form which is applied.

<sup>13</sup> Ghi rõ thời hạn thi hành của từng biện pháp khắc phục hậu quả / Detail time limits of each remedial measure.

Trường hợp không nộp tiền phạt trực tiếp cho người có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Xử lý vi phạm hành chính, ông (bà)/tổ chức phải nộp tiền phạt tại Kho bạc nhà nước/Ngân hàng thương mại<sup>14</sup> ... hoặc nộp tiền vào tài khoản của Kho bạc nhà nước/ Ngân hàng thương mại...trong thời hạn ... kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt.

*If Mr/Mrs/Organization ... does not pay the fine directly to the person who has the right to handle the administrative violations as provided for in Paragraph 2, Article 78 of the Law on Handling Administrative violation, such fine shall be paid at the State Treasure/Commercial Banks ... or shall be delivered to the State Treasure/Commercial Bank's account No: ... within..... day(s) from the date on which the violator has received the sanctioning decision.*

Ông (Bà)/Tổ chức bị xử phạt có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

*Mr/Mrs/Organization ... reserves the right to appeal, claim against this Decision in accordance with the stipulations of law.*

2. Gửi cho<sup>15</sup> ..... để thu tiền phạt.

*Sent to ... for the fine collection.*

3. Gửi cho..<sup>16</sup> ....để tổ chức thực hiện Quyết định này.

*Sent to... for the implementation.*

**Nơi nhận: (Copied to)**

- Như Điều 3(As mentioned in Article 3);

- Lưu Hồ sơ (Filing).

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH**

**(Person issuing the Decision)**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, title and stamp)

<sup>14</sup> Ghi rõ tên, địa chỉ Kho bạc nhà nước (hoặc Ngân hàng thương mại do Kho bạc nhà nước ủy nhiệm thu) mà cá nhân/tổ chức bị xử phạt phải nộp tiền phạt / Name, address of State treasure (Commercial Banks)

<sup>15</sup> Kho bạc nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại /State Treasure/Commercial Banks.

<sup>16</sup> Ghi họ tên, chức vụ, đơn vị người thi hành Quyết định; cơ quan, tổ chức có liên quan / /Name, Position, Organization of the person who implement the Decision ; Organization related.

Số:../QĐ-HTHQĐPT  
No.:../QĐ-HTHQĐPT

...<sup>2</sup>, ngày ... tháng ... năm ...  
....., date...month...year

### QUYẾT ĐỊNH

Hoãn thi hành quyết định phạt tiền trong lĩnh vực hàng không dân dụng  
DECISION

**On postponement of the execution of fining decision in the field of civil aviations**

Căn cứ Điều 76 Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;  
*Pursuant to Article 76 of the the Law on Handling of Administrative Violations dated June 20<sup>th</sup> 2012;*

Căn cứ Điều ... Nghị định số 147/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng;  
*Pursuant to Article ... of the Decree No 147/2013/ND-CP dated October 30<sup>th</sup> 2013 by the Government on Sanctioning of Administrative Violations in the field of Civil Aviation;*

Căn cứ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số ../QĐ-XPVPHC ngày ... tháng ... năm ... do ... ký;

*Based on the Decision No.:../QĐ-XPVPHC on sanctioning of administrative violation in the field of civil aviation dated ...by.....;*

Xét Đơn đề nghị ngày...tháng...năm.... của Ông/Bà: .....được<sup>3</sup>.... xác nhận;  
*In consideration of the written request submitted by Mr/Mrs..... on date...month...year... for postponement of the execution of fining decision, which is certified by...;*

Tôi: ...Chức vụ: ... Đơn vị: ...

*I am: ... Position: ... Organization: ...*

### QUYẾT ĐỊNH: HEREBY DECIDE:

**Điều 1.** Hoãn thi hành quyết định phạt tiền tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số ...../QĐ-XPVPHC ngày ... tháng ... năm .... do .....ký.

*Article 1. To postpone the execution of fining decisions as referred to in the Decision No:../QĐ-XPVPHC dated... by.....on sanctioning of administrative violation in the field of civil aviation.*

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính /*Organization's name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19<sup>th</sup>, 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>2</sup> Ghi địa danh theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính /*Location name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>3</sup> Ghi rõ tên chính quyền xã, phường, thị trấn nơi cá nhân vi phạm cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc đã thực hiện xác nhận / *Name of local authority where the violator is living in or organization which the violator works for/studies in.*



Thời gian hoãn từ ngày ... tháng ... năm ... đến ... ngày ... tháng ... năm ...

*The postponement period shall be from ... to ...*

Ngay sau khi hết thời hạn được hoãn trên, Ông/Bà...phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định phạt tiền, nếu không sẽ bị cưỡng chế thi hành.

*Upon such period has been expired, Mr/Mrs ...shall have responsibility to strictly execute the fining decision, otherwise he/she shall be subjected to the execution enforcement.*

Ông/Bà được nhận lại<sup>4</sup> ...

*Mr/Mrs...shall get the following items back: ...*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

*Article 2. This Decision shall take effect from the date of signature.*

**Điều 3.** Quyết định này được giao cho<sup>5</sup> ...để tổ chức thực hiện Quyết định này.

*Article 3. This Decision shall be sent to... for the implementation.*

**Nơi nhận: (Copied to)**

- Như Điều 3(As mentioned in Article 3);
- Ông/Bà<sup>6</sup>.... (Mr/Mrs);
- Lưu: Hồ sơ (Filing).

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH**

**(Person issuing the Decision)**

(Ký tên, ghi chức vụ, họ tên và đóng dấu)  
(Signature, full name, title and stamp)

<sup>4</sup> Ghi giấy tờ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đang bị tạm giữ / Documents, exhibits, vehicle, means related to administrative violation is seized.

<sup>5</sup> Ghi họ tên, chức vụ, đơn vị người thi hành Quyết định; cơ quan, tổ chức có liên quan / Name, Position, Organization of the person who implement the Decision ; Organization related.

<sup>6</sup> Ghi rõ họ tên của cá nhân vi phạm được hoãn chấp hành / Full name of the violator subject of the decision.

.....<sup>1</sup>.....  
 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
 SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
 Independence – Freedom- Happiness

Số: .../QĐ-.....<sup>2</sup>  
 No: .../QD-.....

...<sup>3</sup>, ngày ... tháng ... năm ...  
 ...., date ... month ... year

**QUYẾT ĐỊNH**

**Giảm/miễn<sup>4</sup> tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng**  
**DECISION**

**On reduction of/exemption from the fine imposed for administrative violations in the field of civil aviation**

Căn cứ Điều 77 Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

*Pursuant to Article 77 of the Law on Handling of Administrative Violations dated June 20<sup>th</sup> 2012;*

Căn cứ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số .../QĐ-XPVPHC ngày ... tháng ... năm ... do ... ký;

*Based on the Decision No. .../QD-XPVPHC dated ... by ... on sanctioning of administrative violation in the field of civil aviation;*

Căn cứ Quyết định hoãn thi hành quyết định phạt tiền số ...../QĐ-HTHQĐPT ngày ... tháng ... năm ..... do ... ký;

*Based on the Decision No. .... QD-XPVPHC dated ..... by ... on the postponement of execution of fining decisions;*

Xét Đơn đề nghị giảm/miễn tiền phạt vi phạm hành chính ngày ... tháng ... năm ... của ông (bà) ... được<sup>5</sup> ... xác nhận,

*In consideration of the written request submitted by Mr/Mrs ... on date ... month ... year for reduction of/exemption from the fine imposed for administrative violation which has been certified by ...*

Tôi: ... Chức vụ: ... Đơn vị: ...

*I am ... Position ... Organization ...*

**QUYẾT ĐỊNH:**  
**HEREBY DECIDE:**

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Organization's name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19<sup>th</sup>, 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>2</sup> Nếu giảm tiền xử phạt ghi là: GTXPVPHC; nếu miễn tiền xử phạt ghi là: MTXPVPHC / *If there is a decision on reduction of fine imposed, write GTXPVPHC; if there is a decision on exemption from fine imposed, write MTXPVPHC.*

<sup>3</sup> Ghi địa danh theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Location name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19<sup>th</sup>, 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>4</sup> Ghi theo trường hợp cụ thể giảm/miễn / *Reduction of or Exemption from.*

<sup>5</sup> Ghi rõ tên chính quyền xã, phường, thị trấn nơi cá nhân vi phạm cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc đã thực hiện xác nhận / *Name of local authority where the violator is living in or organization which the violator works for/studies in.*

**Điều 1.** Giảm/Miễn<sup>6</sup> tiền phạt vi phạm hành chính theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số ...../QĐ-XPVPHC ngày ... tháng ... năm ... do ...ký.

*Article 1. To reduce/make exemption from the fine imposed for administrative violation as referred to in the sanctioning decision No: .../QĐ-XPVPHC dated...by...*

Số tiền phạt mà Ông/Bà...được giảm/miễn là: ...đồng (bằng chữ:..)

*Amount of fine to be reduced/exempted are: ... (in words: ...)*

Lý do giảm/miễn: ...

*Reason for the reduction/exemption:...*

Ông/Bà được nhận lại<sup>7</sup>...

*Mr/Mrs...shall get the following items back: ...*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

*Article 2. This Decision shall take effect from the date of signature.*

**Điều 3.** Giao cho:<sup>8</sup>... tổ chức thực hiện Quyết định này.

*Article 3. This Decision shall be delivered to..... for implementation.*

**Nơi nhận (Copied to):**

- Như Điều 3 (As mentioned in Article 3);
- Ông/Bà (Mr/Mrs)<sup>9</sup>....
- Lưu: Hồ sơ (Filing).

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH**

**(Person issuing the Decision)**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, title and stamp)

<sup>6</sup> Ghi theo trường hợp cụ thể giảm/miễn / Reduction of or Exemption from.

<sup>7</sup> Ghi giấy tờ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đang bị tạm giữ / Documents, exhibits, vehicle, means related to administrative violation is seized.

<sup>8</sup> Ghi họ tên, chức vụ, đơn vị người thi hành Quyết định; cơ quan, tổ chức có liên quan / Name, Position, Organization of the person who implement the Decision ; Organization related.

<sup>9</sup> Ghi rõ họ tên của cá nhân vi phạm được giảm/miễn / Full name of the violator who is subject of the decision.

.....<sup>1</sup>.....  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence – Freedom- Happiness**

Số:../QĐ-NTPNL  
 No:../QĐ-NTPNL

...<sup>2</sup>, ngày ... tháng ... năm ...  
 ...., date...month...year

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về nộp tiền phạt nhiều lần trong lĩnh vực hàng không dân dụng**  
**DECISION**

**On multiple payments of the fine in the field of civil aviation**

Căn cứ Điều 79 Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;  
*Pursuant to Article 79 of the Law on Handling of Administrative Violations dated June 20<sup>th</sup> 2012*

Căn cứ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số ../QĐ-XPVPHC ngày ... tháng ... năm ... do ... ký;

*Based on the Decision No../QĐ-XPVPHC dated....by...on sanctioning of administrative violation in the field of civil aviation;*

Xét Đơn đề nghị nộp tiền phạt nhiều lần ngày ... tháng ... năm ... của Ông (Bà)/tổ chức<sup>3</sup> ...có xác nhận của<sup>4</sup> ...,

*In consideration of the written request for multiple payments of fine by Mr/Mrs/organization which has been certified by.....*

Tôi: ...Chức vụ: ...Đơn vị: ...

*I am...Position...Organization...*

**QUYẾT ĐỊNH:**  
**HEREBY DECIDE:**

**Điều 1. Nộp tiền phạt nhiều lần đối với:**

*Article 1: A multiple payments of fine shall be applied to*

Ông (Bà)/Tổ chức: ...

*Mr/Mrs/Organization*

Ngày ... tháng ... năm sinh ..... Quốc tịch: ....

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Organization's name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19<sup>th</sup>, 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>2</sup> Ghi địa danh theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Location name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19<sup>th</sup>, 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>3</sup> Ghi rõ họ tên/cơ quan, tổ chức vi phạm đề nghị nộp tiền phạt nhiều lần / *Name of violating organization which request for multiple payment of fine.*

<sup>4</sup> Ghi rõ tên xã, phường, thị trấn nơi cá nhân vi phạm cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc đã thực hiện xác nhận; đối với tổ chức phải có cơ quan thuế hoặc cơ quan tổ chức cấp trên trực tiếp xác nhận *Name of local authority where the violator is living in or organization which the violator works for/studies in. If it is certified by organization, it must be certified by tax authority or superior organization of the certifying organization.*



*Date of Birth... Nationality*

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động: ...

*Occupation/Business field.....*

Địa chỉ/*Address:.....*

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số: ...

*ID Card/Decision of organization establishment or Business Registration*

*No.....*

Cấp ngày: ... Nơi cấp: ...

*Date of issue..... Place of issue:.....*

Thời hạn nộp tiền phạt nhiều lần là:<sup>5</sup>....., kể từ ngày Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số .../QĐ-XPVPHC ngày ... tháng ... năm ... đối với ông (bà)/tổ chức có hiệu lực.

*Time limits for the multiple payments shall be.....from the date on which the Decision No..... /QD-XPVPHC dated..... on sanctioning administrative violation against Mr/Mrs has been taken effect.*

Số tiền nộp phạt lần thứ nhất là<sup>6</sup> ... (bằng chữ ...);

*First payment (in words:...)*

Số tiền nộp phạt lần thứ hai là: ... (bằng chữ ...);

*Second payment (in words:...)*

Số tiền nộp phạt lần thứ ba là: ... (bằng chữ ...).

*Third payment (in words:...)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

*Article 2: This Decision shall take effect from the date of signature.*

**Điều 3.** Quyết định này được:

*Article 3: This Decision shall be:*

1. Giao/Gửi Ông (Bà)/Tổ chức ...để chấp hành.

*Sent to...Mr/Mrs/Organization for the implementation.*

Ông (Bà)/Tổ chức phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định này. Hết thời hạn nộp tiền phạt nhiều lần tại Điều 1 của Quyết định này mà không tự nguyện chấp hành sẽ bị cưỡng chế.

*Mr(Mrs)/Organization shall have responsibility to strictly implement this Decision. In case that time limit for multiple payments as provided for in Article 1 of this Decision has been expired and such payment has not been made voluntarily, they shall be subject to the execution enforcement.*

2. Giao<sup>7</sup> ...để tổ chức thực hiện Quyết định này.

*Delivered to...for the implementation.*

**Nơi nhận (Copied to):**

- Như Điều 3 (As mentioned in Article 3);

- Lưu: Hồ sơ (Filing).

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH**

**(Person issuing the Decision)**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, title and stamp)

<sup>5</sup> Thời hạn nộp tiền phạt nhiều lần không quá 6 tháng / *Time limits for the multiple payment does not exceed 06 months.*

<sup>6</sup> Số tiền nộp phạt lần thứ nhất tối thiểu là 40% tổng số tiền phạt / *The amount of the first payment is at least 40% of total fine.*

<sup>7</sup> Ghi họ tên, chức vụ, đơn vị người thi hành Quyết định; cơ quan, tổ chức có liên quan / *Name, Position, Organization of the person who implement the Decision; Organization related.*

.....<sup>1</sup>.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence – Freedom- Happiness**

Số:...../QĐ-CC  
 No:...../QĐ-CC

.....<sup>2</sup>, ngày ... tháng ... năm ...  
 ....., date ... month ... year

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính**  
**trong lĩnh vực hàng không dân dụng**  
**DECISION**

**On coercive execution of the sanctioning decision in the field of civil aviation**

Căn cứ Điều 86 và Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

*Pursuant to Articles 86 and 87 of the Law on Handling of Administrative Violations dated June 20<sup>th</sup> 2012;*

Để bảo đảm thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số .../QĐ-XPVPHC ngày ... tháng ... năm ... do ... ký;

*To ensure the execution of Decision No.: ...dated by... on sanctioning of the administrative violation;*

Căn cứ Quyết định giao quyền số ngày ... tháng ... năm ... (nếu có);

*In accordance with the Decision No.:... on Delegation of Right to handle administrative violation ... dated...(if any);*

Tôi: ..... Chức vụ: ... Đơn vị: ...

*I am: ... Position: ... Organization:...*

**QUYẾT ĐỊNH:**  
**HEREBY DECIDE:**

**Điều 1.** Cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số .../QĐ-XPVPHC ngày ... tháng ... năm ..... đối với:

*Article 1. To coerce into the execution of Decision No.:.../QD-XPVPHC dated...by... on sanctioning of the administrative violation with:*

Ông (Bà)/Tổ chức:...

*Mr/Mrs/Organization...*

Ngày ... tháng ... năm sinh ..... Quốc tịch: ...

*Date of birth: .....Nationality: .....*

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:..

*Occupation/Business field...*

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính // *Organization's name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19<sup>th</sup>, 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>2</sup> Ghi địa danh theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Location name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19<sup>th</sup>, 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

Địa chỉ/Address: ...

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:..

ID card /Decision on Organization Establishment or Business Registration No: ...

Cấp ngày: ...Nơi cấp: ...

Date of issue...Place of issue

Lý do áp dụng:..

Reasons for the application of coercive measures:...

**Biện pháp cưỡng chế gồm:**<sup>3</sup> ...

Coercive measures shall include:

Thời gian thực hiện:<sup>4</sup>..., kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Time limits for the application of coercive measures shall be...day(s) from the date of receipt of this Decision

Địa điểm thực hiện:<sup>5</sup>...;

Location of application:

Cơ quan, tổ chức phối hợp:..

Co-ordinating authority/organization...

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm ...

Article 2. This Decision shall take effect from ...

**Điều 3.** Quyết định này được:

Article 3. This Decision shall be:

1. Giao/Gửi cho Ông (Bà)/Tổ chức<sup>6</sup>..... để chấp hành.

1. Sent to Mr/Mrs/Organization ... for implementation

Ông (Bà)/Tổ chức vi phạm phải thực hiện Quyết định này và phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện cưỡng chế.

Mr/Mrs/Organization shall have responsibility to implement this Decision and bear all expenses for the application of coercive measures.

Ông (Bà)/Tổ chức vi phạm có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

Mr/Mrs/Organization ... reserves the right to appeal, claim against this Decision in accordance with the stipulations of law.

2. Giao<sup>7</sup>... để tổ chức thực hiện Quyết định này.

Sent to...for the implementation.

**Nơi nhận (Copied to):**

- Như Điều 3 (As mentioned in Article 3);

- Lưu: Hồ sơ (Filing).

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH**

**(Person issuing the Decision)**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, title and stamp)

<sup>3</sup> Ghi rõ biện pháp cưỡng chế được áp dụng / Coercive measures is applied.

<sup>4</sup> Ghi rõ thời gian, địa điểm tổ chức cưỡng chế / Location, time for implementation.

<sup>5</sup> Ghi rõ thời gian, địa điểm tổ chức cưỡng chế / Location, time for implementation.

<sup>6</sup> Ghi rõ tên của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế / Name of the violator, organization.

<sup>7</sup> Ghi họ tên, chức vụ, đơn vị người thi hành Quyết định; cơ quan phối hợp cưỡng chế, cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện / Name, Position, Organization of the person who implement the Decision ;Co-ordinating authority/organization Organization related.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence – Freedom- Happiness

Số: .../QĐ-TTTVPT  
No: .../QĐ-TTTVPT

...<sup>2</sup>..., ngày ... tháng ... năm ...  
....., date ... month ... year

**QUYẾT ĐỊNH**

**Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng không xác định được chủ sở hữu, người quản lý, người sử dụng hợp pháp**

**DECISION**

**On confiscation of unidentified exhibit, vehicle  
related to administrative violation in the field of civil aviations**

Căn cứ Điều 26 và khoản 4 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

*Pursuant to Articles 26 and paragraph 4 of Article 126 of the Law on Handling of Administrative Violations dated June 20<sup>th</sup> 2012;*

Căn cứ Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số ...../QĐ-TGTVPT ngày ... tháng ... năm .... do ... ký;

*Based on the Decision No: ... dated ... by ... on temporary seizure of exhibit, vehicle;*

Căn cứ kết quả thông báo trên:<sup>3</sup> .... từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...;

*Based on the Notice published on ... from ... to ...;*

Căn cứ Văn bản giao quyền số ...../..... ngày ... tháng ... năm ... (nếu có),

*Based on the Decision No: ... dated ... by ... on the delegation of right to handle administrative violations;*

Tôi: ... Chức vụ: ... Đơn vị: ...

*I am: ... Position: ... Organization: ...*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**HEREBY DECIDE:**

**Điều 1.** Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, gồm:

*Article 1. To confiscate the following exhibit, vehicle:*

4  
...

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Organization's name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19<sup>th</sup>, 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>2</sup> Ghi địa danh theo Thông tư số Số: 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Location name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19<sup>th</sup>, 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>3</sup> Ghi rõ phương tiện thông tin đại chúng đăng tin và địa điểm niêm yết công khai về việc xác định chủ sở hữu/người quản lý/người sử dụng hợp pháp / *Name of the media which broadcast location and news about public announcement of identification of owner/manager/legal user of the exhibit, vehicle.*



Lý do:<sup>5</sup>...

*Reasons:*

Tài liệu kèm theo<sup>6</sup>....

*Related documents:*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

*Article 2. This Decision shall take effect from the date of signature*

**Điều 3.** Giao cho:<sup>7</sup>.... để tổ chức thực hiện Quyết định này.

*Article 3. This Decision shall be sent to...for the implementation./.*

**Nơi nhận (Copied to):**

- Như Điều 3 (*As mentioned in Article 3*);

- Lưu: Hồ sơ (*Filing*).

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH**

**(Person issuing the Decision)**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, title and stamp)

---

<sup>4</sup> Ghi rõ tên, số lượng, trọng lượng, đặc điểm, tình trạng, nhãn hiệu, xuất xứ, chủng loại tang vật, phương tiện (nếu nhiều thì lập bản thống kê riêng) / *Name, number, weight, characteristic, status, original, model of the exhibit, vehicle (statistics requires if there is numbers of exhibits, vehicle).*

<sup>5</sup> Ghi rõ lý do không xác định được chủ sở hữu/người quản lý/người sử dụng hợp pháp hoặc những người này không đến nhận / *Reason that not identified the owner/manager/legal user or if the people mention about do not receive them.*

<sup>6</sup> Liệt kê thêm các tài liệu như Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính ... / *Document related.*

<sup>7</sup> Ghi họ tên, chức vụ, đơn vị người thi hành Quyết định; cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc thi hành Quyết định này/*Name, Position, Organization of the person who implement the Decision; Organization related.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence – Freedom- Happiness

Số:.../ QĐ-KPHQ  
No:.../ QD-KPHQ

...<sup>2</sup>..., ngày ... tháng ... năm ...  
....., date ... month ... year

**QUYẾT ĐỊNH**

**Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong xử phạt vi phạm hành chính  
trong lĩnh vực hàng không dân dụng<sup>3</sup>**

**DECISION**

**On application of remedial measures of administrative violations in the field of  
civil aviations**

Căn cứ Điều 28 và Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2013;

*Pursuant to Article 28 and Article 65 of the Law on the Handling of Administrative Violations dated June 20<sup>th</sup> 2012;*

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số .../BB-VPHC do ...lập hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ..... tại ...;

*Based on the Minutes on administrative violation made at.....on....at...;*

Để khắc phục triệt để hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra;

*To compensate the consequences caused by the administrative violation;*

Tôi: ... Chức vụ: ...Đơn vị: ...

*I am: ... Position: ... Organization:.....*

**QUYẾT ĐỊNH:  
HEREBY DECIDE:**

**Điều 1.**

Ông (Bà)/Tổ chức:...

*Mr/Mrs/Organization...*

Ngày ... tháng ... năm sinh ..... Quốc tịch: ...

*Date of birth...Nationality*

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:..

*Occupation/Business field...*

Địa chỉ/Address...

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:..

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Organization's name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19<sup>th</sup>, 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>2</sup> Ghi địa danh theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Location name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19<sup>th</sup>, 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>3</sup> Quyết định này được áp dụng trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính / *This decision is to be used if the decision of sanctioning of administrative violation is not issued.*

*ID card No/Decision on organization establishment or Business Registration No: ...*

*Cấp ngày: ...Nơi cấp: ...*

*Date of issue: .....Place of issue: .....*

*Phải thực hiện khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính:<sup>4</sup> ....*

*Must to take remedial measures related to the following administrative violation: ...*

*Những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm: ....*

*Circumstances relating to the settlement of violation: ...*

*Lý do không ra quyết định xử phạt:<sup>5</sup>...*

*Reason for not having issued the sanctioning decision: ...*

**Biện pháp để khắc phục hậu quả phải thực hiện gồm:<sup>6</sup>...**

*Measures to compensate the consequences include:*

*Thời hạn thực hiện<sup>7</sup> ..., kể từ ngày nhận được Quyết định này.*

*Time limits for the application of the measures shall be ...day(s) from the date of receipt of this decision.*

*Chi phí thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do: ...chi trả.*

*Expenses for the application of the measures shall be covered by...*

*Cá nhân/tổ chức vi phạm phải hoàn trả kinh phí cho việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có) là: ..., vì chi phí khắc phục hậu quả đã được cơ quan có thẩm quyền chi trả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính.*

*The violator/violating organization shall reimburse all expenses (if any) with an amount of..... as such expenses have been paid by the competent authority in accordance with paragraph 5 Article 85 of the Law on Handling administrative violation.*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm .....

*Article 2. Decision shall be take effect from ...*

**Điều 3.** Quyết định này được giao cho:

*Article 3. Decision shall be sent to*

1. Ông (Bà)/Tổ chức ..... để thi hành.

*1. Mr/Mrs/Organization ... for the implementation*

*Ông (bà)/tổ chức có tên trên phải chấp hành Quyết định này. Nếu quá thời hạn quy định tại Điều 1 Quyết định này mà không chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành.*

*Mr/Mrs/Organization shall have the responsibility to strictly execute this Decision. Beyond the specified period as provided for in Article 1 and if Mr/Mrs/Organization intentionally has not executed this Decision, Mr/Mrs/Organization shall be subject to the execution enforcement.*

*Ông (Bà)/Tổ chức có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.*

*Mr/Mrs/Organization ... reserves the right to appeal, claim against this Decision in accordance with the stipulations of law.*

<sup>4</sup> Ghi tóm tắt hành vi vi phạm; điểm, khoản, điều của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng / Summarize act of violation; sub-paragraph, paragraph, article of decree on sanction of administrative violation in the field of civil aviation.

<sup>5</sup> Ghi rõ lý do không ra quyết định xử phạt / Reason not issuing sanction decision.

<sup>6</sup> Ghi cụ thể từng biện pháp khắc phục hậu quả và thời hạn thi hành của từng biện pháp / Specify remedial measure and time limits.

<sup>7</sup> Ghi cụ thể từng biện pháp khắc phục hậu quả và thời hạn thi hành của từng biện pháp / Specify remedial measure and time limits.

2.<sup>8</sup> ..... để tổ chức thực hiện Quyết định này.  
..... for the implementation./.

**Nơi nhận (Copied to)**

- Như Điều 3 (As mentioned in Article 3);
- Lưu: Hồ sơ (Filing).

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH**

**(Person issuing the Decision)**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
(Signature, full name, title and stamp)

www.LuatVietnam.vn

---

<sup>8</sup> Ghi họ tên, cấp bậc, chức vụ người tổ chức thực hiện Quyết định; cơ quan, tổ chức có liên quan / Name, Position, Organization of the person who implement the Decision ; Organization related.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-THTV

...<sup>2</sup>..., ngày ... tháng ... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng<sup>3</sup>**

Căn cứ khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;  
Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số .../BB-VPHC do .... lập hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm .... tại...

Tôi: .....Chức vụ: ..... Đơn vị: .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính, gồm<sup>4</sup>: ...

Địa điểm thực hiện: ... Thời gian thực hiện: ...

Lý do không ra quyết định xử phạt:<sup>5</sup> ...

Thành phần tham gia<sup>6</sup>:...

Những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm:...

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Giao cho <sup>7</sup>:..... tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;

- Lưu: Hồ sơ.

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH**

(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi rõ chức vụ, họ tên)

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

<sup>2</sup> Ghi địa danh theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

<sup>3</sup> Áp dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính.

<sup>4</sup> Ghi rõ tên, số lượng, trọng lượng, đặc điểm, tình trạng, nhãn hiệu, xuất xứ, chủng loại tang vật (nếu nhiều thì lập bản thống kê riêng).

<sup>5</sup> Ghi rõ lý do theo Khoản 2 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính.

<sup>6</sup> Thành phần gồm: Đại diện cơ quan đã ra quyết định tiêu hủy; cơ quan/đơn vị thực hiện quản lý nhà nước đối với loại tang vật, phương tiện bị tiêu hủy và các cơ quan liên quan khác.

<sup>7</sup> Ghi họ tên, chức vụ, đơn vị của người thi hành Quyết định; cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thi hành Quyết định này.

Số:...../QĐ-TTTV  
No:...../QĐ-TTTV

...<sup>2</sup>..., ngày ... tháng ... năm ...  
..., date ... month ... year

**QUYẾT ĐỊNH****Tịch thu tang vật vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng<sup>3</sup>**  
**DECISION****On confiscation of exhibit related to administration violation  
in the field of civil aviations**

Căn cứ khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;  
*Pursuant to Paragraph 2 Article 65 of the Law on Handling of Administrative  
Violations dated June 20<sup>th</sup> 2013*

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số .../BB-VPHC do .... lập hồi ... giờ ... ngày  
... tháng ... năm .... tại...

*Base on the Minutes on Administrative Violation in the field of Civil Aviation made by Mr  
(Name, Position) at.....on...*

Tôi: ...Chức vụ: ... Đơn vị: ...

*I am: ...Position: .....Organization: ...*

**QUYẾT ĐỊNH:**  
**HEREBY DECIDE:**

**Điều 1.** Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, gồm:<sup>4</sup>....

*Article 1. To confiscate the exhibits related to administrative violation,  
including: ...*

Lý do không ra quyết định xử phạt<sup>5</sup>:...

*Reason for not having issued the sanctioning decision: ...*

Những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm: ...

*Circumstances relating to the settlement of violation:*

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính/*Organization's name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19<sup>th</sup>, 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>2</sup> Ghi địa danh theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính/*Location name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19<sup>th</sup> 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>3</sup> Áp dụng trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Khoản 2 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính/*To be applied when the decision on sanctioning the administrative violation is not issued according to Paragraph 2 Article 65 of Law on handling the administrative violation.*

<sup>4</sup> Ghi rõ tên, số lượng, trọng lượng, đặc điểm, tình trạng, nhãn hiệu, xuất xứ, chủng loại tang vật (nếu nhiều thì lập bản thống kê riêng)/*Name, number, weight, characteristic, status, original, model of the exhibit, vehicle (statistics requires if there is numbers of exhibits, vehicle).*

<sup>5</sup> Ghi rõ lý do; và ghi rõ các thông tin (họ tên, ...) của cá nhân/tổ chức vi phạm (ngoại trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính)/*Detail the reason and related information (name,...) of the individual/organization (except the case which provided for in Subparagraph b Paragraph 1 Article 65 of Law on handling the administrative violation.*

Số tang vật, phương tiện trên được chuyển đến:<sup>6</sup> ... để xử lý theo quy định của pháp luật.

*The exhibits, vehicles above shall be transferred to:.....for treatment in accordance with the stipulations of law.*

Tài liệu kèm theo<sup>7</sup>: ...

*Related documents: ...*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

*Article 2. This Decision shall take effect from the date of signature.*

**Điều 3.** Giao cho<sup>8</sup>: .... tổ chức thực hiện Quyết định này.

*Article 3. This Decision shall be delivered to...for implementation.*

*Nơi nhận (Copied to):*

- Như Điều 3 (*As mentioned in Article 3*);

- Lưu: Hồ sơ (*Filing*).

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH**

**(Person issuing the Decision)**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, title and stamp)

<sup>6</sup> Ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, đơn vị (nơi tang vật vi phạm bị tịch thu được chuyển đến để sung vào ngân sách Nhà nước)/Name, address of the organization where the exhibits, vehicles are transferred to.

<sup>7</sup> Liệt kê thêm các tài liệu như Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính/ List the related documents (such as: Minutes, exhibits, vehicles ...).

<sup>8</sup> Ghi họ tên, chức vụ, đơn vị của người thi hành Quyết định; cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thi hành Quyết định này/Name, designation and organization of the person who implement the decision.

.....<sup>1</sup> .....

**MQĐ11**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence – Freedom- Happiness**

Số:...../QĐ-THMPQĐXP  
Số:...../QĐ-THMPQĐXP

...<sup>2</sup>..., ngày ... tháng ... năm ...  
....., date...month...year

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Thi hành một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính**  
**trong lĩnh vực hàng không dân dụng<sup>3</sup>**  
**DECISION**

**On partly execution of the Decision on sanctioning**  
**of administrative violation in the field of civil aviations**

Căn cứ Điều 75 Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;  
*Pursuant to Article 75 of the Law on Handling of Administrative Violations dated June 20th 2012;*

Căn cứ Điều 9 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;  
*Pursuant to Article 9 of Decree No 81/2013/ND-CP dated 19/7/2013 of the Government on detailing certain articles and measures to implement Law on Handling of Administrative Violations;*

Căn cứ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số .../QĐ-XPVPHC ngày ... tháng ... năm ..... do ...ký;<sup>4</sup>  
*Based on the Decision No:.....dated...by... on sanctioning of the administrative violation;*

Tôi: ... Chức vụ: ... Đơn vị: ...  
*I am: ... Position: ... Organization:...*

**QUYẾT ĐỊNH:**  
**HEREBY DECIDE:**

**Điều 1.** Đình chỉ thi hành hình thức phạt tiền tại<sup>5</sup>..... của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số ...../QĐ-XPVPHC là: ..... ghi bằng chữ: ..... đối với:

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Organization's name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>2</sup> Ghi địa danh theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Location name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>3</sup> Mẫu này sử dụng trong trường hợp người bị xử phạt chết/mất tích; tổ chức bị giải thể/phá sản theo Điều 75 Luật xử lý vi phạm hành chính / *This decision use in case of the violator is dead/lost; organization is in dissolution/broke in accordance with Article 75 of Law on Handling the administrative violation .*

<sup>4</sup> Ghi rõ họ tên, cấp bậc, chức vụ, đơn vị của người đã ra Quyết định xử phạt / *Name, Position, Organization of the person issuing the sanction decision.*

<sup>5</sup> Ghi điều khoản ghi số tiền phạt / *Amount of fine.*



*Article 1. To suspend the application of fining sanctioning form... as referred to in the... Decision No .../QĐ-XPVPHC on sanctioning of the administrative violation with an amount of ... (in words...) to:*

Ông (Bà)/Tổ chức:...

*Mr/Mrs/Organization...*

Ngày ... tháng ... năm sinh ..... Quốc tịch: ...

*Date of birth...Nationality...*

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:..

*Occupation/Business field...*

Địa chỉ/Address...

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:..

*ID card/Decision on organization establishment or Business Registration No.:* ...

Cấp ngày: ...Nơi cấp: ...

*Date of issue...Place of issue*

Do ông (bà)/tổ chức có tên nêu trên<sup>6</sup>...

*The reason for suspension of fining: ...*

## **Điều 2.**

*Article 2*

Ông (Bà)/Tổ chức:...

*Mr/Mrs/Organization...*

Ngày ... tháng ... năm sinh ..... Quốc tịch: ...

*Date of birth...Nationality*

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:..

*Occupation/Business field...*

Địa chỉ/Address...

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:..

*ID card/Decision on organization establishment or Business Registration No:*

Cấp ngày: ...Nơi cấp: ...

*Date of issue...Place of issue*

phải có trách nhiệm tiếp tục thi hành<sup>7</sup>..... của nội dung Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số ...../QĐ-XPVPHC ngày ... tháng ... năm ..... nêu trên trong thời hạn ... ngày, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

*Shall be subject to/responsible for....as referred to in the Decision No:... /QĐ-XPVPHC dated....within...day(s) from the date on which this decision has taken effect.*

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm

*Article 3. This Decision shall take effect from ...*

**Điều 4.** Quyết định này được giao cho:

*Article 4. This Decision shall be sent to*

1. Ông (Bà)/Tổ chức<sup>8</sup>..... để chấp hành Quyết định.  
Ông (Bà)/Tổ chức có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

<sup>6</sup> Ghi cụ thể: cá nhân bị xử phạt chết được ghi trong giấy chứng tử/mất tích được ghi trong quyết định tuyên bố mất tích; tổ chức bị giải thể/phá sản được ghi trong quyết định giải thể, phá sản / *Name of the violator mentioned above.*

<sup>7</sup> Thi hành, hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong Quyết định xử phạt/*Confiscation form of exhibit, vehicle related to administrative violation and the applied remedial measure in the sanction decision.*

<sup>8</sup> Ghi rõ tên. Xác định người có nghĩa vụ thi hành tiếp hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong Quyết định xử phạt theo thứ tự sau: là

*Mr/Mrs/Organization ... for the implementation. Mr/Mrs/Organization ... reserves the right to appeal, claim against this Decision in accordance with the stipulations of law.*

2.<sup>9</sup> ..... để tổ chức thực hiện Quyết định này:  
.....for the implementation./.

**Nơi nhận (copied to):**

- Như Điều 2, Điều 4 (*As mentioned in Article 2 and Article 4*);
- .....
- Lưu: Hồ sơ (filling...).

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH**

**(Person issuing the Decision)**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
(Signature, full name, title and stamp)

---

vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi hoặc người đang quản lý tài sản của người chết, bị tuyên bố mất tích; người đại diện theo pháp luật của tổ chức bị giải thể, phá sản/ *Full name. Identify person who inheritance to continuously execute the decision on confiscate exhibit, vehicle related to administrative violation and remedial measure in the sanction decision, in order as follow: wife, husband, father, mother, adopted father, adopted mother, son, adopted son or the property manager of the owner/person who declared to be lost; the representative of the dissolution/broke organization.*

<sup>9</sup> Ghi họ tên, cấp bậc, chức vụ người tổ chức thực hiện Quyết định; cơ quan, tổ chức có liên quan / *Name, Position, Organization of the person who implement the Decision ; Organization related.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence – Freedom - Happiness

Số:...../QĐ-TGN  
No:...../QĐ-TGN

...<sup>2</sup>..., ngày ... tháng ... năm ...  
....., date ... month...year

**QUYẾT ĐỊNH**

**Tạm giữ người theo thủ tục hành chính trên tàu bay<sup>3</sup>**

**DECISION**

**On holding of persons in temporary custody in aircraft**

Căn cứ Điều 122 và Điều 123 Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

*Pursuant to Article 122 and Article 123 of the Law on Handling of the Administrative Violations dated June 20<sup>th</sup> 2012;;*

Căn cứ Văn bản giao quyền số .... /..... ngày ... tháng ... năm ..... (nếu có);  
*Pursuant to the Decision No: ...dated... on Delegation of right to handle administrative violation;*

Tôi: ...Chức vụ: .... Đơn vị: ...

*I am: ...Position: .....Organization: ...*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**HEREBY DECIDE:**

**Điều 1. Tạm giữ người theo thủ tục hành chính đối với:**

*Article 1. To temporarily hold person according to administrative proceduces to*

Ông (Bà)/Mr(Mrs):..

Ngày, tháng, năm sinh/Date of birth: .... Quốc tịch/Nationality: ...

Nghề nghiệp/Occupation:...

Địa chỉ/Address:..

Giấy CMND hoặc hộ chiếu số/ID card or passport:..

Cấp ngày/Date of issue: ..... Nơi cấp/Place of issue: ...

Do Ông/Bà đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính/Because Mr(Mrs)... has committed an administrative violation<sup>4</sup>...

quy định tại điểm... khoản... Điều /As stipulated in...Sub-paragraph...Paragraph...Article...

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính/ Organization's name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.

<sup>2</sup> Ghi địa danh theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / Location name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of.

<sup>3</sup> Việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính chỉ được áp dụng trong trường hợp cần ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho người khác / The holding of persons in temporary custody according to administrative procedures shall be applied only in case of necessity to promptly prevent or stop acts of disturbing public order and inflicting injury on others.

<sup>4</sup> Ghi tóm tắt hành vi vi phạm / Summarize the act of violation.

Tình trạng của người bị tạm giữ/*Status of the person temporarily held in airplane*<sup>5</sup>...

Địa điểm tạm giữ/*Place of temporary holding*<sup>6</sup>...

Thời gian tạm giữ là ..... giờ .... phút, kể từ ... giờ ... phút ngày ... tháng ... năm ... đến ... giờ ... phút ngày ... tháng ... năm ....

*Time for temporary holding is ...hours...minutes, from ...hour...minute date ... month ... year... to ... hour ... minute date ... month ... year ...*

Việc tạm giữ được thông báo cho/*The temporary holding is informed to: ...*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, được giao cho:

*Article 2. This Decision shall take effect from the date of signature and is sent to*

1. Ông/Bà<sup>7</sup> ..... để chấp hành.

*Mr/Mrs/Organization ... for the implementation*

Ông/Bà bị tạm giữ có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

*Mr/Mrs/Organization ... reserves the right to appeal, claim against this Decision in accordance with the stipulations of law.*

2.<sup>8</sup> ..... để tổ chức thực hiện Quyết định này.

*... for the implementation*

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH**

**(Person issuing the Decision)**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

(Signature, full name, title)

**Nơi nhận (copied to):**

- Như Điều 2 (*As mentioned in Article 2*);

- Lưu: Hồ sơ (*Filing*).

<sup>5</sup> Ghi lại tình trạng chung (tình trạng sức khỏe, đặc điểm hình dáng, đặc điểm quần áo, tài sản cá nhân,...) của người bị tạm giữ tại thời điểm ra Quyết định / *Health conditions, characteristic of body, clothes, personal property.*

<sup>6</sup> Ghi rõ vị trí nơi tạm giữ người trên tàu bay / *Location in aircraft for holding.*

<sup>7</sup> Cá nhân vi phạm / *The violator.*

<sup>8</sup> Ghi họ tên, chức vụ, đơn vị người tổ chức thực hiện việc tạm giữ / *Name, Position, Organization which implement the Decision.*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence – Freedom- Happiness

Số:...../QĐ-TGTVPTGPCC  
No:...../QĐ-TGTVPTGPCC

...<sup>2</sup>..., ngày ... tháng ... năm ...  
....., date...month...year

**QUYẾT ĐỊNH**

**Tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề  
theo thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng**

**DECISION**

**On temporary seizure of exhibit, vehicle, permission, certificate  
in accordance with administrative procedures in the field of civil aviations**

Căn cứ Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;  
*Pursuant to Article 125 of the Law on Handling of Administrative Violations dated  
June 20<sup>th</sup> 2012;*

Căn cứ Văn bản giao quyền số ...../..... ngày ... tháng ... năm ... (nếu có),  
*Based on the Decision No.:...dated... on Delegation of right to handle  
administrative violation*

Tôi: ... Chức vụ: ... Đơn vị: ...  
*I am ... Position... Organization...*

**QUYẾT ĐỊNH:  
HEREBY DECIDE:**

**Điều 1. Tạm giữ tang vật, phương tiện, chứng chỉ hành nghề của:**

*Article 1. Temporarily seize exhibit, vehicle, certificate of*

Ông (Bà)/Tổ chức:...

*Mr/Mrs/Organization...*

Ngày ... tháng ... năm sinh ..... Quốc tịch: ...

*Date of birth...Nationality*

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:...

*Occupation/Business field...*

Địa chỉ/Address...

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:..

*ID card/Decision on organization establishment or Business Registration No:*

Cấp ngày: ...Nơi cấp: ...

*Date of issue..... Place of issue:.....*

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Organization's name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>2</sup> Ghi địa danh theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Location name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

Tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề gồm:<sup>3</sup> ...

*Exhibit, vehicle, permission, certificate which include: ...*

Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được niêm phong gồm: ...

*Exhibit, vehicle related to the administrative violation which are sealed include: ...*

Lý do tạm giữ:<sup>4</sup> ...

*The reason for temporary seizure is: ...*

Thời hạn tạm giữ: ...ngày, từ ngày... tháng ...năm ... đến ngày ... tháng ... năm

*The seizure period shall be ...day(s), from ... to ...*

Địa điểm tạm giữ:...

*Place where the seizure happens ...*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, được giao cho:

*Article 2. This Decision shall take effect from the date of signature.*

*This Decision shall be sent to*

1. Ông (Bà)/Tổ chức: ..... để chấp hành.

*Mr/Mrs/Organization ... for the implementation*

Ông (Bà)/Tổ chức có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

*Mr/Mrs/Organization ... reserves the right to appeal, claim against this Decision in accordance with the stipulations of law.*

2. <sup>5</sup> ..... để tổ chức thực hiện Quyết định này./.

..... for the implementation

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (As mentioned in Article 3);

- Lưu: Hồ sơ (Filing).

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH**

**(Person issuing the Decision)**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, title and stamp)

<sup>3</sup> Ghi rõ tên, số lượng, trọng lượng, đặc điểm, tình trạng, nhãn hiệu, xuất xứ, chủng loại tang vật, phương tiện; giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Nếu nhiều lập bản thống kê riêng / Name, number, weight, characteristic, status, original, model of the exhibit, vehicle (statistics requires if there is numbers of exhibits, vehicle).

<sup>4</sup> Ghi rõ lý do tạm giữ theo quy định tại Khoản 1 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính / The reason for temporary seizure according to Paragraph 1 Article 125 of Law on Handling of Administrative Violations.

<sup>5</sup> Ghi họ tên, chức vụ, đơn vị người tổ chức thực hiện việc tạm giữ / Name, position and organization of the person who organize the temporary seizure.

.....<sup>1</sup>.....  
 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
 SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
 Independence – Freedom- Happiness

Số:../QĐ-KDTGTVPTGPCC  
 No:...../QD-KDTGTVPTGPCC

...<sup>2</sup>..., ngày ... tháng ... năm ..  
 ....., date...month...year.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực hàng không dân dụng**

**DECISION**

**On extension of period for temporary seizure of exhibit, vehicle, permission, certificate related to administrative violation in the field of civil aviations**

Căn cứ Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;  
*Pursuant to Article 125 of the Law on Handling of Administrative Violations dated June 20<sup>th</sup> 2012;*

Căn cứ Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề số ...../QĐ-TGTVPTGPCC ngày ... tháng ... năm ... do ...ký;  
*Based on the Decision on temporary seizure means, license, certificate signed by ... Decision No... dated...;*

Căn cứ Văn bản giao quyền số .... /..... ngày ... tháng ... năm ... (nếu có);  
*In accordance with the Decision No.: ...dated... on Delegation of right to handle administrative violation;*

Tôi: ..... Chức vụ: ... Đơn vị: ...

*I am: ...Position: ... Organization:.....*

**QUYẾT ĐỊNH:  
 HEREBY DECIDE:**

**Điều 1. Kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện, chứng chỉ hành nghề của:**  
 Article 1. *To extend the period for temporary seizure of exhibit, vehicle, certifice of Ông (Bà)/Tổ chức:...*

*Mr/Mrs/Organization...*

Ngày ... tháng ... năm sinh ..... Quốc tịch: ...

*Date of birth...Nationality*

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:..

*Occupation/Business field...*

Địa chỉ/Address...

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:..

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Organization's name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>2</sup> Ghi địa danh theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Location name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

*ID card/Decision on organization establishment or Business Registration*  
No.: .....

Cấp ngày: ...Nơi cấp: ...

*Date of issue...Place of issue.....*

Tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề gồm:<sup>3</sup> ...

*Exhibit, vehicle, permission, certificate which include:...*

Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được niêm phong gồm: ...

*Exhibit, vehicle related to the administrative violation which are sealed include:...*

Đang bị tạm giữ theo Quyết định số .../QĐ-TGTVPTGPCC ngày ... tháng ... năm ...  
có thời hạn tạm giữ là ..... giờ, kể từ ... giờ ..... phút ngày ... tháng ... năm ..... đến .....  
giờ ..... phút ..... ngày ... tháng ... năm ...

*Are being temporarily seized in accordance with Decision No.../QĐ-TGTVPTGPCC, with the seizure period of... hours, from ...hrs... min... on... to... hrs...min on...*

Lý do kéo dài thời hạn tạm giữ:...

*The reason for extension of seizure period:*

Thời hạn kéo dài là ..... giờ.... phút, kể từ ... giờ ... phút ngày ... tháng ... năm ...  
đến ... giờ ... phút ngày ... tháng ... năm ....

*The extended period shall be..., from hrs...min...on...to ...hrs...min on....*

Việc kéo dài thời hạn tạm giữ đã thông báo cho<sup>4</sup> ...

*The extension of seizure period has been notified to ...*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, được giao cho:

*Article 2. This Decision shall take effect from the dated of signature.*

*This Decision shall be sent to*

1. Ông (Bà): ..... để chấp hành.

*Mr/Mrs/Organization ... for the implementation.*

Ông/Bà bị tạm giữ có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

*Mr/Mrs/Organization ... reserves the right to appeal, claim against this Decision in accordance with the stipulations of law.*

2. <sup>5</sup> ..... để tổ chức thực hiện Quyết định này./.

*..... for the implementation./.*

*Nơi nhận (Copied to):*

- Như Điều 2 (As mentioned in Article 2)

- Lưu: Hồ sơ (Filing).

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH**

**(Person issuing the Decision)**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, title and stamp)

<sup>3</sup> Ghi rõ tên, số lượng, trọng lượng, đặc điểm, tình trạng, nhãn hiệu, xuất xứ, chủng loại tang vật, phương tiện; giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Nếu nhiều lập bản thống kê riêng / Name, number, weight, characteristic, status, original, model of the exhibit, vehicle (statistics requires if there is numbers of exhibits, vehicle).

<sup>4</sup> Ghi họ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, người được thông báo / Name, address of organization, person who is informed.

<sup>5</sup> Ghi họ tên, chức vụ, đơn vị người tổ chức thực hiện việc tạm giữ / Name, Position, organization which organize the temporary seizure.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence – Freedom- Happiness

Số:...../QĐ-KPTVTĐV  
No:...../QĐ-KPTVTĐV

...<sup>2</sup>..., ngày ... tháng ... năm ...  
....., date...month...year

**QUYẾT ĐỊNH**

**Khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính  
trong lĩnh vực hàng không dân dụng**

**DECISION**

**On search of vehicle, items  
in accordance with administrative procedures in the field of civil aviations**

Căn cứ khoản 1 Điều 123 và Điều 128 Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

*Pursuant to Paragraph 1 Article 125 and Article 128 of the Law on Handling of Administrative Violations dated June 20<sup>th</sup> 2012;*

Căn cứ Văn bản giao quyền số .../..... ngày ... tháng ... năm ... (nếu có),  
*Pursuant to the Decision No:...dated... on Delegation of right to handle administrative violation*

Tôi: ..... Chức vụ: ... Đơn vị ...  
*I am ...Position... Organization...*

**QUYẾT ĐỊNH:  
HEREBY DECIDE:**

**Điều 1. Khám phương tiện vận tải, đồ vật:<sup>3</sup>...**

*Article 1. To search such vehicle, items as...*

Chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện bị khám:

*The owner of vehicle, items or the driver is: ...*

Ông (Bà)/Tổ chức:...

*Mr/Mrs/Organization...*

Ngày ... tháng ... năm sinh ..... Quốc tịch: ...

*Date of birth...Nationality*

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:..

*Occupation/Business field...*

Địa chỉ/Address...

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:..

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Organization's name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>2</sup> Ghi địa danh theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Location name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>3</sup> Ghi rõ phương tiện vận tải hoặc đồ vật bị khám / *Detail of the transport means or item to be in search.*

*ID card/Decision on organization establishment or Business Registration No:...*

Cấp ngày: ...Nơi cấp: ...

*Date of issue...Place of issue:.....*

Số giấy đăng ký phương tiện ...Cấp ngày: ....Nơi cấp...

*Vehicle's Registration No: ...Date of issue...Place of issue...*

Biển số đăng ký phương tiện vận tải (nếu có):<sup>4</sup>...

*Vehicle's plate No.: (if any)*

Lý do khám:<sup>5</sup>...

*The reason for searching:*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

*Article 2. This Decision shall take effect from the date of signature.*

**Điều 3.** Quyết định này được giao cho:

*Article 3. This Decision shall be sent to:*

1. Ông (Bà)/Tổ chức: ..... để chấp hành.

*Mr/Mrs/Organization ... for the implementation*

Ông (Bà)/Tổ chức có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

*Mr/Mrs/Organization ... reserves the right to appeal, claim against this Decision in accordance with the stipulations of law.*

2.<sup>6</sup> ..... để tổ chức thực hiện Quyết định này./.

..... *for the implementation./.*

*Nơi nhận (Copied to):*

- Như Điều 3 (*As mentioned in Article 3*);
- Lưu: Hồ sơ (*Filing*).

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH<sup>7</sup>**

**(Person issuing the Decision)**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, title and stamp)

<sup>4</sup> Ghi rõ biển số đăng ký phương tiện vận tải (ô tô, tàu, thuyền.. ) / *Vehicle plate*

<sup>5</sup> Ghi rõ lý do khám theo Khoản 1 Điều 128 Luật xử lý vi phạm hành chính / *The reason for searching according to Paragraph 1 Article 128 of Law on handling of administrative violaton.*

<sup>6</sup> Ghi họ tên, chức vụ, đơn vị người tổ chức thực hiện việc khám / *Name, Position, organization which organize search.*

<sup>7</sup> Nếu là những người được quy định tại Điều 123 Luật xử lý vi phạm hành chính thì ký, đóng dấu, ghi rõ cấp bậc, chức vụ, họ tên / *Name, Position, stamp, sign as if related person is provide for in Article 123 of Law on handling of administrative violation .*

.....1.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence – Freedom- Happiness**

Số:...../QĐ-CHS

...2..., ngày ... tháng ... năm ...

No:...../QD-CHS

....., date...month...year

**QUYẾT ĐỊNH**

**Chuyển hồ sơ vụ vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng  
 có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự**

**DECISION**

**On transfer of dossiers related to administrative violation in the field of  
 civil aviations bearing criminal signs for penal liability examination**

Căn cứ Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

*Pursuant to Article 62 of the Law on Handling of the Administrative Violations  
 dated June 20<sup>th</sup> 2012;*

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số .../BB-VPHC do ..... lập hồi ... giờ . ngày  
 ... tháng ... năm ..., tại.....

*Based on the Minutes on administrative violation No .../BB-VPHC made  
 at.....on.....at...*

Căn cứ Quyết định tạm đình chỉ thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số  
 ...../QĐ-XPVPHC ngày ... tháng ... năm ..... do ..... ký;

*Based on the Decision on temporary suspension of execution the Decision on  
 sanction the administrative violation No: .../QD-XPVPHC date ... by ...*

Tôi: ... Chức vụ: ... Đơn vị: ...

*I am...Position...Organization...*

**QUYẾT ĐỊNH:****HEREBY DECIDE:**

**Điều 1.** Chuyển hồ sơ vụ vi phạm hành chính:<sup>3</sup> ..... đến:<sup>4</sup> ..... để  
 truy cứu trách nhiệm hình sự.

*Article 1. To transfer dossiers of administrative violation No.:..... to... for penal  
 liability examination.*

Hồ sơ, tài liệu vụ vi phạm được chuyển giao gồm: .....

*The dossiers transferred include: ...*

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Organization's name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>2</sup> Ghi địa danh theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Location name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>3</sup> Ghi rõ tên, số hồ sơ vụ vi phạm hành chính / *Number of administrative dossier.*

<sup>4</sup> Ghi tên cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ, tang vật, phương tiện liên quan đến vụ việc / *Name of the organization which receive, handle file, exhibit, vehicle related to the case .*

Tang vật, phương tiện vi phạm được chuyển giao gồm:<sup>5</sup>...

*Exhibit, vehicle related to violation include.*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

*Article 2. This decision shall take effect from the date of signature.*

**Điều 3.** Quyết định này được giao cho:

*Article 3. This Decision shall be sent to:*

1.<sup>6</sup> .....tổ chức thực hiện quyết định này

*...for the implementation.*

2. Ông (Bà)/Tổ chức<sup>7</sup> ..... để thông báo./.

*Mr/Mrs/Organization for information./.*

*Nơi nhận (copied to):*

- Như Điều 3 (*As mentioned in Article 3*);

- Lưu: Hồ sơ (*Filing*).

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH**

**(Person issuing the Decision)**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, title and stamp)

<sup>5</sup> Ghi rõ tên, số lượng, trọng lượng, đặc điểm, tình trạng, nhãn hiệu, xuất xứ, chủng loại tang vật, phương tiện cần chuyển giao / *Name, number, weight, characteristic, status, original, model of the exhibit, vehicle.*

<sup>6</sup> Ghi họ tên, cấp bậc, chức vụ, đơn vị người tổ chức thực hiện Quyết định / *Name, Position, Organization which implement the Decision.*

<sup>7</sup> Cá nhân, tổ chức vi phạm (họ tên, địa chỉ,...) / *Violator/violating organization (name, address).*



Số:...../QĐ-GQ

...<sup>2</sup>, ngày ... tháng ... năm ..**QUYẾT ĐỊNH GIAO QUYỀN<sup>3</sup>****Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng**

Căn cứ quy định tại Điều 54, khoản 2 Điều 87 và khoản 2 Điều 123 Luật Xử lý vi phạm hành chính,

Tôi: ...Chức vụ: ... Đơn vị: ....

Giao quyền cho ông/bà: .... Chức vụ: .....

Đơn vị:...

Lý do giao quyền:<sup>4</sup>...

Nội dung giao quyền:<sup>5</sup>...

Được thực hiện các thẩm quyền của<sup>6</sup>....

quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính, kể từ ngày ... tháng ... năm .... đến ngày ... tháng ... năm .....<sup>7</sup>.

Chữ ký của người được giao quyền:.....

Trong khi tiến hành các hoạt động xử lý vi phạm hành chính, <sup>8</sup>Ông/Bà.....  
..... phải chịu trách nhiệm về những quyết định của mình trước người  
giao quyền và trước pháp luật.

**Nơi nhận:**

- .....<sup>9</sup>  
- Lưu VT, Hồ sơ XPVPHC

**NGƯỜI GIAO QUYỀN**

(Ký và đóng dấu nếu có)

(Ghi rõ chức vụ, họ tên)

<sup>1</sup> Ghi tên theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính (lưu ý: riêng đối với văn bản của UBND cấp xã thì phải ghi rõ cấp tỉnh, cấp huyện; UBND cấp huyện thì phải ghi rõ cấp tỉnh).

<sup>2</sup> Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

<sup>3</sup> Ghi rõ loại văn bản (công văn, thông báo, quyết định...) giao quyền.

<sup>4</sup> Ghi rõ lý do (vắng mặt hoặc các lý do khác).

<sup>5</sup> Ghi rõ giao quyền (thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp ngăn chặn, bảo đảm xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính).

<sup>6</sup> Ghi rõ chức danh của người giao quyền.

<sup>7</sup> Ghi rõ thời gian giao quyền.

<sup>8</sup> Ghi họ tên người được giao quyền.

<sup>9</sup> Trường hợp ủy quyền cho Phó Chánh Thanh tra Bộ thì gửi cho Bộ trưởng để báo cáo. Trường hợp ủy quyền cho Phó Chánh Thanh tra Cục, Phó Giám đốc cảng vụ thì gửi cho Cục trưởng để báo cáo. Trường hợp ủy quyền cho Phó trưởng Đại diện cảng vụ thì gửi cho Giám đốc Cảng vụ hàng không để báo cáo.

.....1.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
 SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
 Independence – Freedom - Happiness

Số:...../BB-VPHC  
 No:...../BB-VPHC

...<sup>2</sup>..., ngày ... tháng ... năm ...  
 ....., date ... month...year...

**BIÊN BẢN**  
**Vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng**  
**MINUTES**  
**On administrative violations in the field of civil aviation**

Căn cứ .....<sup>3</sup>

*Based on...*

Hôm nay, hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ....., tại ...

*Today...*

**Chúng tôi gồm/We are:**

.....<sup>4</sup>

**Với sự chứng kiến của/With the witness of:**

.....<sup>5</sup>

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với:<sup>6</sup>

*To make the minutes on administrative violations committed by*

Ông (Bà)/Tổ chức/Mr(Mrs)/Organization: ...

Ngày ... tháng ... năm sinh/Date of birth .....

Quốc tịch/Nationality: .....

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động/Occupation/Business field: ...

Địa chỉ/Address:....

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số/ID card/Decision on establishment or Business Registration No:...

Cấp ngày/Date of issue: .... Nơi cấp/Place of issue: ...

Đã có các hành vi vi phạm hành chính:<sup>7</sup>...

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Organization's name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>2</sup> Ghi địa danh theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Location name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>3</sup> Ghi các căn cứ của việc lập biên bản (như: kết luận thanh tra, biên bản làm việc, kết quả ghi nhận của phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 64 Luật xử lý VPHC... ) / *Basis of the Minutes.*

<sup>4</sup> Ghi họ tên, cấp bậc, chức vụ, đơn vị của người lập biên bản / *Name, Position, organization.*

<sup>5</sup> Ghi họ tên, nghề nghiệp, địa chỉ của người chứng kiến. Nếu có đại diện chính quyền ghi rõ họ tên, chức vụ / *Name, occupation, address of the witness. Name, designation of a representative of the local authority if he appealed.*

<sup>6</sup> Ghi họ tên người vi phạm hoặc họ tên, chức vụ của đại diện tổ chức vi phạm / *Name of the violator or name, designation of representative of the violating organization.*

<sup>7</sup> Ghi tóm tắt hành vi vi phạm (ngày, giờ, tháng, năm, địa điểm, xảy ra vi phạm, mô tả hành vi vi phạm; / *Summarize the act of violation (hour, date, location, describe the act).*

*Has committed the following administrative violations...*

Quy định tại điểm.. khoản...Điều.... Nghị định số.../.../ND-CP ngày của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực...<sup>8</sup> .....

*The above-mentioned acts have violated the provisions referred to in sub-paragraph..., paragraph..., Article...of the Decree No.../.../ND-CP dated ... by the Government on sanctioning of administrative violations in the field of ...*

Cá nhân/tổ chức bị thiệt hại:<sup>9</sup>....

*Aggrieved individual/Organization...*

Ý kiến trình bày của cá nhân/đại diện tổ chức vi phạm:...

*The opinions expressed by the individual/representative of violating organization...*

Ý kiến trình bày của người chứng kiến:...

*The opinions expressed by the witnesses...*

Ý kiến trình bày của cá nhân/tổ chức bị thiệt hại:...

*The opinions expressed by the aggrieved individual/organization...*

Chúng tôi đã yêu cầu ông (bà)/tổ chức vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm.

*We have requested the violator/violating organization to cease immediately violating acts.*

Các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm xử lý vi phạm được áp dụng gồm:...

*Measures to prevent further administrative violations and to ensure the settlement of violation, include:...*

Tang vật, phương tiện, giấy tờ bị tạm giữ gồm:<sup>10</sup> ...

*Exhibits, vehicles, papers being temporarily seized include...*

Ngoài những tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và các giấy tờ nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

*We do not seize any other things, other than the exhibits, vehicles, papers above*

Biên bản lập xong hồi giờ ... ngày ... tháng ... năm ..., gồm ... tờ, được lập thành ... bản có nội dung, giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm 01 bản.<sup>11</sup>

*This Minutes was made at....on ... day ... month ... years ... in .....copies of being equally authentic. This Minutes has been read out to all persons concerned who have admitted it is true and have signed it. One (01) copy of the Minutes has been handed over to the violator/representative of violating organization.*

Lý do không ký biên bản: ...

*The reason for which the violator/representative of violating organization has not signed the Minutes.*

<sup>8</sup> Ghi điểm, khoản, điều của nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng/ *Sub-paragraph, Paragraph, Article of the Decree on sanctioning of administrative violation in the field of applied.*

<sup>9</sup> Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức bị thiệt hại /*Name of the violator or name, designation of representative of the aggrieved organization.*

<sup>10</sup> Ghi rõ tên, số lượng, trọng lượng, đặc điểm, tình trạng, nhãn hiệu, xuất xứ, chủng loại tang vật, phương tiện (nếu nhiều thì lập bản thống kê riêng) / *Name, number, weight, characteristic, status, original, model of the exhibit, vehicle (statistics requires if there is numbers of exhibits, vehicle).*

<sup>11</sup> Nếu cá nhân vi phạm là người chưa thành niên, gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người đó 01 bản / *Parents or tutor (full name, address...) of minors committing an administrative violation.*

Cá nhân/Tổ chức vi phạm gửi văn bản yêu cầu được giải trình đến ông/bà<sup>12</sup> ... trước ngày ... tháng ... năm ..... để thực hiện quyền giải trình.

*Violating individual/organization reserves the right to send a written request for having further explanation to Mr/Mrs..... before day ... month ... years ....*

**NGƯỜI HOẶC ĐẠI  
DIỆN  
TỔ CHỨC VI PHẠM**  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
*The violator or  
representative of  
violating organization  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
Signature and full name*

**ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN**  
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên)  
**ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN**  
*The Governmental Representative*

**NGƯỜI CHỨNG  
KIẾN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
*The witness  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
Signature and full name)*

**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**  
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên)  
*The Minutes made by  
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên)  
Signature and full name*

**NGƯỜI BỊ THIẾT HẠI**  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
*The aggrieved individual or representative  
of aggrieved organization  
(Signature and full name)*

<sup>12</sup> Họ tên, chức vụ, đơn vị của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính / *Name, Position, organization of the person who has competent to handle the administrative violation.*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
 SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
 Independence – Freedom- Happiness

.....1.....

Số:...../BB-GTTT  
 No:...../BB-GTTT

...<sup>2</sup>..., ngày ... tháng ... năm ...  
 ....., date...month...year

**BIÊN BẢN**  
**Phiên giải trình trực tiếp về vi phạm hành chính**  
**trong lĩnh vực hàng không dân dụng**  
**MINUTES**

**On testimony of administrative violations in the field of civil aviations**

Căn cứ Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

*Pursuant to Article 61 of the Law on Handling of Administrative Violations*

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số .../BB-VPHC do ..... lập hồi ...  
 giờ ... ngày ... tháng ... năm .... tại ....;

*Based on the Minutes on Administrative Violation in the field of Civil Aviations made  
 by Mr (Name, Position) at.....on...*

Căn cứ Văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp ngày ... tháng ... năm ... của  
 Ông (Bà)/Tổ chức: (ghi rõ);

*Based on Letter of request for explanation date...of...*

Căn cứ văn bản ủy quyền cho người đại diện hợp pháp về việc tham gia phiên  
 giải trình của ...(nếu có);

*Based on Letter of Authorization to take part in the interpretation of ... (if any)*

Căn cứ Thông báo số ...../TB-..... ngày ... tháng ... năm ..... của ... về việc  
 tổ chức phiên giải trình trực tiếp,

*Based on Notice No.../TB-...date...of ... about organization of the interpretation.*

Hôm nay, vào hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ....., tại<sup>3</sup> ...

*Today, at...*

**Chúng tôi gồm/We are:**

A. Người tổ chức phiên giải trình/Person who organize the interpretation:<sup>4</sup>

...

B. Bên giải trình/The explainer:

Ông (Bà)/Tổ chức/Mr(Mrs)/Organization:<sup>5</sup> ....

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Organization's name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>2</sup> Ghi địa danh theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Location name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>3</sup> Ghi rõ địa điểm nơi diễn ra phiên họp giải trình / *Location where the interpretation happens .*

<sup>4</sup> Ghi rõ họ tên, cấp bậc, chức vụ, đơn vị / *Name, Position, organization.*

<sup>5</sup> Ghi họ tên người vi phạm hoặc họ tên, chức vụ của đại diện tổ chức vi phạm / *Name of the violator or name, designation of representative of the violating organization.*

Ngày ... tháng ... năm sinh / *Date of birth* ..... Quốc tịch/*Nationality*: ....  
Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động/*Occupation/Business field*:...  
Địa chỉ/*Address*:...  
*ID card/Decision on organization establishment or Business Registration No*:...  
Cấp ngày/*Date of issue*: .... Nơi cấp/*Place of issue*: ...

**Nội dung phiên họp giải trình như sau:**

***The interpretation is happened as follow***

1. Ý kiến của người có thẩm quyền xử phạt/*The comment of the person who has competent to handle the administrative violation*:

- Về căn cứ pháp lý/*Legal basis*: ...

- Về các tình tiết, chứng cứ liên quan đến hành vi vi phạm/*Circumstances relating to the acts of violation*: ...

- Về các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả dự kiến áp dụng đối với hành vi vi phạm/*Sanction form, remedial measures supposed to be apply to the act of violation*:...

2. Ý kiến của cá nhân/tổ chức vi phạm, người đại diện hợp pháp/*The comment of violating individual/organization, representative of the violating individual/organization*: ...

Phiên giải trình kết thúc vào hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm .....

*The interpretation is end at* ...

Biên bản gồm ..... trang, được lập thành ..... bản có nội dung, giá trị như nhau; đã được đọc lại cho những người có tên trên cùng nghe, công nhận là đúng, cùng ký tên dưới đây; lưu trong hồ sơ và đã giao cho bên giải trình 01 bản./

*The Minutes of .... pages is made in ... copies which are equally authentic. This minutes have been read out to all persons concerned who have admitted it is true and have signed it. The minutes is filed and one (01) copy of the minutes has been handed over to the explainer.*

**ĐẠI DIỆN BÊN GIẢI TRÌNH  
REPRESENTATIVE OF THE  
EXPLAINER**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*Signature and full name*

**ĐẠI DIỆN BÊN TỔ CHỨC  
GIẢI TRÌNH  
REPRESENTATIVE OF THE  
ORGANIZATION OF THE  
INTERPRETATION**

*(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên)*

*Sign, position, full name*

**NGƯỜI GHI BIÊN BẢN**

**MINUTES WRITER**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ nếu có)*

*Sign, position, full name*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
 SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
 Independence – Freedom- Happiness

Số:...../BB-VVKNQĐ  
 No:.... /BB-VVKNQĐ

...<sup>2</sup>, ngày ... tháng ... năm ...  
 ....., date...month...year

**BIÊN BẢN**

**Về việc cá nhân/tổ chức vi phạm hành chính không nhận Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng**  
**MINUTES**

**On the violating individual/organization do not receive Decision on sanctioning of the administrative violation in the field of civil aviation**

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ....., tại<sup>3</sup> .....

*Today, at.....*

Chúng tôi gồm/*We are:*<sup>4</sup>...

đã đến giao Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số ...../QĐ-..... ngày ... tháng ... năm ..... do Ông/Bà: ....., chức vụ: ..... ký  
*to be here to deliver the Decision on sanctioning of the administrative violation No:.../QD-... date ... by ..., position...*

cho Ông (Bà)/Tổ chức vi phạm hành chính có tên trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số ...../QĐ-..... ngày ... tháng ... năm .... để thi hành nhưng ông (bà)/tổ chức này cố tình không nhận Quyết định.

*to Mr(Mrs)/Organization who is subject in Decision on sanctioning of the administrative violation No:.../QD-...date...for implementation but on purpose, Mr(Mrs)/Organization do not receive the Decision.*

Vì vậy, tiến hành lập biên bản này với sự chứng kiến của<sup>5</sup>: ...

*So that, we make this minutes with the witness of ...*

Và có xác nhận của chính quyền địa phương là/*and certified by the local authority:*<sup>6</sup>.....

Biên bản gồm ..... trang, được lập thành ..... bản có nội dung, giá trị như nhau; được công nhận là đúng và được lưu trong hồ sơ và giao cho chính quyền địa phương 01 bản./.

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Organization's name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>2</sup> Ghi địa danh theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Location name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>3</sup> Ghi địa chỉ nơi lập biên bản / *Location where the Minutes is made.*

<sup>4</sup> Ghi rõ họ tên, cấp bậc, chức vụ, đơn vị của người giao Quyết định xử phạt vi phạm hành chính / *Name, designation / Name, Position, organization of the person delivers the sanction decision.*

<sup>5</sup> Nếu người chứng kiến cũng là người của chính quyền địa phương thì ghi rõ họ tên, chức vụ của họ / *Name, designation of the witness if he is the local authority.*

<sup>6</sup> Ghi rõ tên xã, phường, thị trấn nơi cá nhân vi phạm cư trú/tổ chức vi phạm có trụ sở / *Living address of the violator/violating organization.*

*The Minutes of .... pages is made in ... copies which are equally authentic, to be admitted that true and filed and one (01) copy of the minutes has been handed over to the local authority.*

**NGƯỜI CHỨNG KIẾN  
WITNESS**

*(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Signature, full name)*

**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN  
THE MINUTES MADE BY**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đơn vị)  
(Signature, fullname, Position,  
Organization)*

**ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG  
LOCAL AUTHORITY**

*(Xác nhận, ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)  
(Certified, sign, full name, position)*

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)



.....1.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence – Freedom- Happiness**

Số:...../BB-CC  
 No:...../BB-CC

...<sup>2</sup>..., ngày ... tháng ... năm ...  
 ....., date...month...year

**BIÊN BẢN**

**Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính  
 trong lĩnh vực hàng không dân dụng**

**MINUTES**

**On the execution enforcement of the decision on sanctioning  
 of the administrative violations in the field civil aviation**

Thi hành Quyết định số .../QĐ-CC ngày ... tháng ... năm ... về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do ... ký,

*In the implementaion of the Decision...../QĐ-CC dated..... on the execution enforcement of the decision on sanctioning of the adiministrative violation signed by...*

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ....., tại ...  
 Today, date....

**Chúng tôi gồm:** (Họ tên, chức vụ, đơn vị)...  
*We are (name, position, organization)*

**Cơ quan phối hợp:** (Họ tên, chức vụ, đơn vị)...  
*Coordinating Authority: (name, position, organization)*

**Với sự chứng kiến của:** (Họ tên, địa chỉ, nghề nghiệp, chức vụ, CMND số nếu có)  
*with the witness of: (name, address, occupation, position, ID card number)...*

**Tiến hành cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với:**

*To enforce the execution of decision on sanctioning of the adiministrative violation with:*

Ông (Bà)/Tổ chức/Mr (Mrs)/ Organization:

Ngày ... tháng ... năm sinh/Date of birth ..... Quốc tịch/ Nationality: ...

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động/Occupation/Business field:...

Địa chỉ/Address:.....

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số/ID card or Passport / Decision on Organization Establishment or Business Registration No ...

Cấp ngày/Date of issue:..Nơi cấp/Place of issue:...

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Organization's name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>2</sup> Ghi địa danh theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Location name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

Biện pháp cưỡng chế gồm/*Enforcement measures include...*

Diễn biến quá trình cưỡng chế/*Enforcement process.....*

Kết quả cưỡng chế/*Enforcement results...*

Thái độ chấp hành của người/đại diện tổ chức vi phạm/*Compliance attitude by the violator/representative of violating organization...*

Việc cưỡng chế kết thúc hồi .... giờ ..... ngày ... tháng ... năm .....

*The enforcement process ended at .... hour... date ..... month .....year .....*

Biên bản gồm ... trang, được lập thành ..... bản có nội dung, giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người tham gia nghe, xem lại, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; đã giao cho người/đại diện tổ chức vi phạm 01 bản.

*The Minutes of ..... pages is made in ..... copies which are equally authentic. This Minutes has been read out to all persons concerned who have admitted it is true and have signed it. One (01) copy of the Minutes has been handed over to the violator/representative of violating organization.*

**NGƯỜI HOẶC ĐẠI DIỆN  
TỔ CHỨC VI PHẠM**

*The violator or  
representative of violating  
organization  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
Signature and full name*

**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**

*The witness  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
Signature and full name*

**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**

*The minutes made by  
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên)  
Signature and full name*

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN  
PHỐI HỢP CƯỖNG CHẾ**

*The representative of  
Coordinating Authority  
  
(Ký, ghi rõ họ tên và chức vụ  
nếu có)  
Signature, full name and  
Position*

**NGƯỜI TỔ CHỨC  
CƯỖNG CHẾ**

*Enforcing  
Individual/Organization  
  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức  
vụ)  
Signature, full name,  
Position*

**NGƯỜI RA QUYẾT  
ĐỊNH CƯỖNG CHẾ**

*Person issuing the  
enforcement decision  
(Ký, đóng dấu)  
(Ghi rõ chức vụ, họ tên)  
Sign, stamp  
Position, full name*

.....1.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
 SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
 Independence – Freedom- Happiness

Số:...../BB-TGTVPT  
 No:...../BB-TGTVPT

...<sup>2</sup>..., ngày ... tháng ... năm ...  
 ....., date...month...year

**BIÊN BẢN**

**Tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề  
 vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng  
 MINUTES**

**On the temporary seizure of exhibit, vehicle, permission, certificate  
 related to the administrative violations in the field of civil aviation**

Để thi hành Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ vi phạm hành chính số .../QĐ-TGTVPTGPCC ngày ... tháng ... năm ... do ....ký,

*In the implementation of the Decision No.../QD-TGTVPTGPCC dated...signed by...on the temporary seizure of exhibit, vehicle, permission, certificate related to the administrative violation.*

Hôm nay, hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ....., tại<sup>3</sup> .....

*Today, at ...*

**Chúng tôi gồm:**(Họ tên, chức vụ, đơn vị)/ *We are (name, Position, organization)*

.....

**Với sự chứng kiến của:** (Họ tên, địa chỉ, nghề nghiệp, chức vụ, CMND số nếu có)/ *With the witness of: (name, address, occupation, position, ID card number)...*

**Tiến hành tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề vi phạm hành chính của:**

*Temporarily seize the exhibit, vehicle, permission, certificate related to the administrative violation, of*

Ông (Bà)/Tổ chức/Mr (Mrs)/ *Organization...*

Ngày ... tháng ... năm sinh/Date of birth ..... Quốc tịch/Nationality: .....

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động/Occupation/ *Business field: .....*

Địa chỉ/Address: ...

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số/ID card or *Passport / Decision on Organization Establishment or Business Registration No...*

Cấp ngày/Date of issue:... Nơi cấp/Place of issue:...

Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ: *Exhibit, vehicle which are temporarily seized: ...*

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Organization's name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>2</sup> Ghi địa danh theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Location name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>3</sup> Ghi địa chỉ nơi lập biên bản / *Location where the Minutes is made.*



Giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ/*License or certificate which are temporarily seized...*

Ngoài những tang vật, phương tiện, giấy tờ nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác/*We do not seize any other things, other than the exhibit, vehicle, paper above...*

Ý kiến của cá nhân/đại diện tổ chức vi phạm/*Opinions of the violator/ representative of violating organization...*

Ý kiến trình bày của người làm chứng/*Opinions expressed by the witnesses:...*

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)/*Additional comments (if any):...*

Biên bản lập xong hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ..., gồm ... trang, được lập thành ... bản có nội dung, giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên trên cùng nghe, công nhận là đúng, cùng ký tên dưới đây; lưu trong hồ sơ của cơ quan/đơn vị người ra quyết định tạm giữ và đã giao cho người/đại diện tổ chức có tang vật, phương tiện bị tạm giữ 01 bản.

*This minutes was made at....on ... day ... month ... years ... in .....copies being equally authentic which has been read out to all persons concerned who have admitted it is true and have signed it. This minutes shall be on file at the authority issuing the sanctioning decision and one (01) copy has been handed over to the individual/representative of organization having exhibit, vehicle temporarily seized.*

**NGƯỜI HOẶC ĐẠI DIỆN  
TỔ CHỨC VI PHẠM**

*Violator or representative of violating  
organization  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
Signature and full name*

**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**

*The minutes made by  
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên)  
Signature and full name*

**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**

*The witness  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
Signature and full name*

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH TẠM  
GIỮ**

*Person issuing the decision on  
temporary seizure  
(Ký, đóng dấu)  
(Ghi rõ chức vụ, họ tên)  
Sign, stamp  
Position, full name*



.....1.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence – Freedom- Happiness**

Số:...../BB-TTTVPT  
 No:...../BB-TTTVPT

...<sup>2</sup>..., ngày ... tháng ... năm ...  
 ....., date...month...year

**BIÊN BẢN**

**Tịch thu tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề  
 vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng**  
**MINUTES**

**On confiscations of the exhibit, vehicle, permission, certificate-related  
 to the administrative violations in the field of civil aviation**

Căn cứ Quyết định số ... /QĐ-.... ngày ... tháng ... năm ... do<sup>3</sup> ... ký,  
*Pursuant to the Decision .../QD- ... day ... month ... years ..... by .....*  
 Hôm nay, hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ....., tại<sup>4</sup>.....  
*Today, at ..... day ... month ... year.... at .....*

**Chúng tôi gồm:** (Họ tên, chức vụ, đơn vị)/*We are: (name, position, organization)...*

**Với sự chứng kiến của:** (Họ tên, địa chỉ, nghề nghiệp, chức vụ, CMND số nếu có)/*With the witness of: (name, address, occupation, position, ID card number)<sup>5</sup>...*

**Tiền hành tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của:**<sup>6</sup>  
*Confiscated exhibits, vehicles related to the administrative violations, of:*  
 Ông (Bà)/Tổ chức/Mr (Mrs)/ *Organization...*

Ngày ... tháng ... năm sinh/*Date of birth..... Quốc tịch/Nationality: .....*

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động/*Occupation//Business field: ...*

Địa chỉ/*Address...*

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Organization's name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents*

<sup>2</sup> Ghi địa danh theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Location name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>3</sup> Ghi tên Quyết định (Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện theo khoản 5 Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính hoặc Quyết định tiêu hủy theo Khoản 2 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính) / *Decision on temporary seizure the exhibit, vehicle according to Paragraph 5 Article 126 or Decision on disposal of according to Paragraph 2 Article 65 of Law on handling of administrative violation*

<sup>4</sup> Ghi địa chỉ nơi lập biên bản /*Location where the Minutes is made.*

<sup>5</sup> Nếu người chứng kiến là đại diện chính quyền địa phương thì ghi rõ họ tên, chức vụ của họ / *Name, designation of the witness if he is the local authority.*

<sup>6</sup> Ghi họ tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, địa chỉ, nghề nghiệp, số giấy CMND hoặc hộ chiếu đối với cá nhân vi phạm/tên, địa chỉ, lĩnh vực hoạt động, số Quyết định thành lập hoặc ĐKKD đối với tổ chức vi phạm / *Name, date of birth, nationality, address, occupation, identity card, passport of the violation/name, address, business area, Decision on Organization Establishment or Business Registration of the violating organization).*

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số/*ID card or Passport/ Decision on Establishment or Business Registration No: ...*

Cấp ngày/*Date of issue... Nơi cấp/Place of issue...*

Tang vật, phương tiện bị tịch thu gồm/*Exhibits, vehicles confiscated include:<sup>7</sup>...*

Ý kiến của cá nhân/đại diện tổ chức vi phạm/*Opinions of the individual/ representative of violating organization...*

Ý kiến trình bày của người làm chứng/*Opinions expressed by the witnesses: ...*

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)/*Additional comments (if any):...*

Ngoài những tang vật, phương tiện nêu trên, chúng tôi không tịch thu thêm thứ gì khác.

*We do not confiscate any other things, other than the exhibit, vehicles above.*

Biên bản gồm ... trang, được lập thành ... bản có nội dung, giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; đã giao cho người/đại diện tổ chức có tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu 01 bản.

*The Minutes of ..... pages is made in ..... copies which are equally authentic. The Minutes has also been read out to all persons concerned who have admitted it is true and have signed it. One (01) copy of the Minutes has been handed over to the violator/representative of violating organization.*

**NGƯỜI HOẶC ĐẠI DIỆN  
TỔ CHỨC VI PHẠM**

*Violator or representative of violating  
organization*

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*Signature and full name*

**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**

*The witness*

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*Signature and full name*

**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**

*The minute made by*

*(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên)*

*Signature and full name*

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH XỬ  
PHẠTHOẶC QUYẾT ĐỊNH TỊCH  
THU**

*Person issuing the confiscating decision*

*(Ký, đóng dấu)*

*(Ghi rõ chức vụ, họ tên)*

*Sign, stamp*

*Position, full name*

<sup>7</sup> Ghi rõ tên, số lượng, trọng lượng, đặc điểm, tình trạng, nhãn hiệu, xuất xứ, chủng loại tang vật, phương tiện bị tịch thu (nếu nhiều thì lập bản thống kê riêng) / *Name, number, weight, characteristic, status, original, model of the exhibit, vehicle (statistics requires if there is numbers of exhibits, vehicle).*

.....1.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence – Freedom- Happiness**

Số:...../BB-THTVPT  
 No:...../BB-THTVPT

...<sup>2</sup>..., ngày ... tháng ... năm ...  
 ....., date...month...year

**BIÊN BẢN**

**Tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính  
 trong lĩnh vực hàng không dân dụng**

**MINUTES**

**On disposal of exhibit, means related to administrative violations  
 in the field of civil aviation**

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ- ngày ... tháng ... năm ..... do<sup>3</sup>...Chức vụ: ....Đơn vị: ...ký về việc .....

*Pursuant to the Decision... /QD- .... day ... month ... years ..... by .... position...organization... on ...*

Hôm nay, hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ....., tại<sup>4</sup> .....

*Today, at...*

**Hội đồng tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính gồm/Council of disposal of exhibits, means related to administrative violation:<sup>5</sup>...**

**Với sự chứng kiến của: (Họ tên, địa chỉ, nghề nghiệp, chức vụ, số CMND)/**  
*With the witness of(name, address, occupation, position, ID card number)...*

**Tiến hành tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của/To dispose the exhibits, means related to administrative violation belong to:**

Ông (Bà)/Tổ chức/Mr (Mrs)/ Organization...

Ngày ... tháng ... năm sinh/Date of birth..... Quốc tịch/Nationality: ...

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt độngOccupation/Business field: ...

Địa chỉ/Address...

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số/ID card or Passport/ Decision on Organization Establishment or Business Registration No: ...

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Organization's name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>2</sup> Ghi địa danh theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Location name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>3</sup> Ghi tên Quyết định (Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện theo khoản 5 Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính hoặc Quyết định tiêu hủy theo Khoản 2 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính) / *Decision on temporary seizure exhibit, vehicle according to paragraph 5 Article 126 or Decision on disposal of according to Paragraph 2 Article 65 of Law on Handling of Administrative Violation.*

<sup>4</sup> Ghi địa chỉ nơi lập biên bản / *Location where the Minutes is made.*

<sup>5</sup> Ghi rõ họ tên, chức vụ, đơn vị của Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính / *Name, Position, organization of the chairman and other member of the council of disposal of exhibit, vehicle related to administrative violation.*



Cấp ngày/*Date of issue*... Nơi cấp/*Place of issue*...

Tang vật, phương tiện tiêu hủy gồm/*Exhibits, vehicles disposed include*:<sup>6</sup>...

Biện pháp tiêu hủy/*Disposal form*:<sup>7</sup>...

Cá nhân/tổ chức vi phạm phải hoàn trả kinh phí cho việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có) là: ..., lý do:<sup>8</sup>...

*The violator shall be required to reimburse all expenses for the application of remedial measures (if any) with an amount of..., because...*

Việc tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính kết thúc vào hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ...

*The disposal of exhibits, means related to administrative violation end at...*

Biên bản gồm ..... trang, được lập thành bản có nội dung, giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người tham gia nghe, xem lại, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; lưu trong hồ sơ và đã giao cho người/đại diện tổ chức có tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tiêu hủy 01 bản.

*The Minutes of ... pages is made in ... copies which are equally authentic. The Minutes has also been read out to all persons concerned who have admitted it is true and have signed it. The Minutes is filed and one (01) copy of the Minutes has been handed over to the violator/representative of violating organization whose exhibits, means related to administrative violation are disposed.*

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)/ *Additional comment (if any): ...*

**NGƯỜI HOẶC ĐẠI DIỆN  
TỔ CHỨC VI PHẠM**

*The violator or representative of  
violating organization  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
Signature and full name*

**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**

*The minutes made by  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
Signature and full name*

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

*Member of the Council  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
Signature and full name*

**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**

*The witness  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
Signature and full name*

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT  
HOẶC QUYẾT ĐỊNH TẠM GIỮ TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN**

*Person issuing Decision on sanctioning or Decision on temporary seizure exhibits,  
means*

*(Ký, đóng dấu)(Ghi rõ chức vụ, họ tên)  
Sign, Stamp Position, full name*

<sup>6</sup> Ghi rõ tên, số lượng, trọng lượng, đặc điểm, tình trạng, nhãn hiệu, xuất xứ, chủng loại tang vật, phương tiện bị tiêu hủy (nếu nhiều thì lập bản thống kê riêng) / *Name, number, weight, characteristic, status, original, model of the exhibit, vehicle (statistics requires if there is numbers of exhibits, vehicle).*

<sup>7</sup> Ghi rõ biện pháp tiêu hủy như đốt, chôn hoặc các biện pháp khác / *Detail of disposal form.*

<sup>8</sup> Ghi trong trường hợp tiêu hủy theo khoản 5 Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính / *Fill if disposal measure is according to Paragraph 5 Article 126 of Law on handling of administrative violation.*



.....1.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BB-KPTVTĐV  
 No.:..... /BB-KPTVTĐV

...<sup>2</sup>..., ngày ... tháng ... năm ...  
 ....., date...month...year

**BIÊN BẢN**

**Khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính  
 trong lĩnh vực hàng không dân dụng**

**MINUTES**

**On search of vehicle, items in accordance with administrative procedures  
 in the field of civil aviation**

Thi hành Quyết định khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính số  
 ...../QĐ-KPTVTĐV ngày ... tháng ... năm ..... do ... chức vụ: ...Đơn vị: ... ký,  
*In the implementation of the Decision.../QĐ-KPTVTĐV  
 dated...day...month...year signed by...on search of vehicle, items in accordance with  
 administrative procedures*

Hôm nay, hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ....., tại<sup>3</sup> ...

*Today, at*

**Chúng tôi gồm:**(Họ tên, chức vụ, đơn vị)/ *We are (name, position,  
 organization)...*

**Với sự chứng kiến của:** (Họ tên, địa chỉ, nghề nghiệp, chức vụ, CMND số nếu  
 có)/ *With the witness of: (name, address, occupation, position, ID card number)...*

Tiến hành khám phương tiện vận tải, đồ vật là/*To search vehicle, items:*<sup>4</sup>...

Chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải/*The  
 owner of vehicle, items or the driver is: ...:*<sup>5</sup>

Ông/Bà/Mr/Mrs:...Ngày/tháng/năm sinh/*Date of birth: .....*

Quốc tịch/*Nationality: ...*

Nghề nghiệp/*Occupation: ...*

Địa chỉ/*Address:...*

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/*ID card or Passport:...*

Cấp ngày/*Date of issue: ... Nơi cấp/Place of issue:...*

Phạm vi khám/*Search area:*<sup>6</sup>...

Những tang vật vi phạm hành chính bị phát hiện, gồm/*Exhibit relate to  
 administrative violation is exposed:*<sup>7</sup>...

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Organization's name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>2</sup> Ghi địa danh theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính / *Location name according to Circular 01/2011/TT-BNV dated January 19th 2011 of the Ministry of Internal Affairs, guiding the format and layout of administrative documents.*

<sup>3</sup> Ghi địa chỉ nơi lập biên bản / *Location where the Minutes is made.*

<sup>4</sup> Ghi rõ loại phương tiện vận tải, đồ vật, số biển kiểm soát (đối với phương tiện) / *Vehicle (type, plate), item.*

<sup>5</sup> Ghi rõ họ tên chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải / *Full name of the owner, driver.*

<sup>6</sup> Ghi rõ khám những bộ phận nào của phương tiện, đồ vật / *Part of vehicle, item is being search.*

Ý kiến trình bày của chủ/người điều khiển phương tiện vận tải/đồ vật/*The comment of the owner:...*

Ý kiến trình bày của người chứng kiến/*The comment of the witness:...*

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)/*Additional comment (if any)...*

Việc khám kết thúc vào hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm .....

*The search is end at ...*

Biên bản gồm ..... trang, được lập thành ..... bản có nội dung, giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên trên nghe, xem lại công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; đã giao cho chủ phương tiện vận tải, đồ vật/người điều khiển phương tiện vận tải 01 bản.

*The Minutes of ... pages is made in ... copies which are equally authentic. The Minutes has also been read out to all persons concerned who have admitted it is true and have signed it. One (01) copy of the Minutes has been handed over to the owner of vehicle, items/the driver.*

**CHỦ HOẶC NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN  
PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, ĐỒ VẬT**

*The owner or the driver*

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*Signature, full name)*

**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**

*The minutes made by*

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*Signature, full name*

**NGƯỜI CHỨNG KIẾN<sup>8</sup>**

*The witness*

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*Signature, full name*

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH KHÁM**

*Person issuing the Decision on Search  
of vehicle, items*

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)*

*Signature, full name, position*

<sup>7</sup> Ghi rõ tên, số lượng, trọng lượng, đặc điểm, tình trạng, nhãn hiệu, xuất xứ, chủng loại tang vật, phương tiện bị phát hiện (nếu nhiều thì lập bản thống kê riêng) / *Name, number, weight, characteristic, status, original, model of the exhibit, vehicle (statistics requires if there is numbers of exhibits, vehicle).*

<sup>8</sup> Trường hợp không có chủ phương tiện vận tải, đồ vật/người điều khiển phương tiện phải có 2 người chứng kiến ký, ghi rõ họ tên / *If the owner/driver is absent, there must be 02 witness. The witness must sign the Minutes.*

Số: .../BB-BGTGN

...<sup>2</sup>, ngày ... tháng ... năm ...

**BIÊN BẢN**

**Bàn giao người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính xảy ra  
trong lĩnh vực hàng không dân dụng**

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-..... ngày ... tháng ... năm .... do<sup>3</sup> ...

Chức vụ: ... Đơn vị: ... ký,

Hôm nay, hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ..... tại<sup>4</sup> ...

A. Đại diện bên giao gồm:

1. .... Chức vụ: ..... Đơn vị: ...

2. .... Chức vụ: ..... Đơn vị: ...

B. Đại diện bên nhận gồm:

1. .... Chức vụ: ..... Đơn vị: ...

2. .... Chức vụ: ..... Đơn vị: ...

Tiến hành bàn giao để tạm giữ đối với:

Ông (Bà)/Tổ chức:...

Ngày ... tháng ... năm sinh ..... Quốc tịch:...

Địa chỉ:.....

Giấy CMND hoặc hộ chiếu: ... Cấp ngày: ... Nơi cấp: ...

Tình trạng của người bị tạm giữ<sup>5</sup>: ...

Biên bản kết thúc vào hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm .....

Biên bản được lập thành ..... bản; gồm ..... trang; có nội dung và có giá trị như nhau. Biên bản đã được đọc lại cho những người tham gia nghe, xem lại. Những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Đã giao cho ..... 01 bản; 01 bản lưu hồ sơ.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)<sup>6</sup>:...

**ĐẠI DIỆN BÊN GIAO**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

**ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

<sup>1</sup> Ghi tên theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính (lưu ý: riêng đối với văn bản của UBND cấp xã thì phải ghi rõ cấp tỉnh, cấp huyện; UBND cấp huyện thì phải ghi rõ cấp tỉnh).

<sup>2</sup> Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

<sup>3</sup> Ghi rõ họ tên, chức vụ, đơn vị của người đã ký Quyết định.

<sup>4</sup> Ghi rõ địa điểm tiến hành bàn giao người bị tạm giữ.

<sup>5</sup> Ghi lại tình trạng chung (tình trạng sức khỏe, đặc điểm hình dáng, quần áo, tài sản cá nhân,...) của người bị tạm giữ tại thời điểm bàn giao, tiếp nhận; ghi số hiệu của tàu bay, thời gian hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay.

<sup>6</sup> Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.